

Số: 24/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 07 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về phân bổ và giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách
địa phương giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2018 tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Văn bản số 8759/BKHĐT-TH ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến phân bổ vốn đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018; Văn bản số 9560/BKHĐT-TH ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018, của tỉnh Tuyên Quang ;

Xét Tờ trình số 91/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc đề nghị thông qua phương án phân bổ và giao Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2018, tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 163/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ và giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2018 tỉnh Tuyên Quang, như sau:

1. Nguyên tắc phân bổ vốn

Thực hiện các quy định của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị quyết số 42/2015/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2015 của

Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về Ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016 - 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020

Tổng số vốn Trung ương giao giai đoạn 2016 - 2020 (không bao gồm bội chi ngân sách địa phương): **2.820.074 triệu đồng**, trong đó:

2.1. Phân bổ (90%): 2.538.067 triệu đồng, gồm:

- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định (Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015): 2.132.797 triệu đồng.

- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 340.200 triệu đồng.

- Đầu tư từ nguồn thu Xổ số kiến thiết: 65.070 triệu đồng.

2.2. Dự phòng chưa phân bổ (10%): 282.007 triệu đồng.

2.3. Phân bổ chi tiết (90%) cho các công trình, dự án: 2.538.067 triệu đồng, gồm:

2.3.1. Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức: 2.132.797 triệu đồng, trong đó:

(1) Phân cấp cho các huyện, thành phố theo tiêu chí, định mức (theo Nghị quyết số 42/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang): 177.200 triệu đồng.

(2) Trả nợ vốn vay tín dụng ưu đãi: 80.000 triệu đồng (năm 2016 đã bố trí: 80.000 triệu đồng, từ năm 2017 trung ương đã giảm trừ trong tổng số vốn giao về cho tỉnh).

(3) Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình thuộc 03 Đề án: Kiên cố hóa kênh mương, Bê tông hóa đường giao thông nội đồng, xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao, khuôn viên trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 (theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh): 300.000 triệu đồng.

(4) Các công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2011- 2015 sang giai đoạn 2016-2020 (115 công trình): 602.458,555 triệu đồng, trong đó:

- Các công trình hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015 (75 công trình): 127.034,336 triệu đồng.

- Các công trình, dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016 - 2020 dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020 (40 công trình): 475.424,219 triệu đồng.

(5) Các công trình dự kiến khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020 (134 công trình): 931.138,445 triệu đồng, trong đó:

- Các công trình dự kiến hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016 - 2020 (90 công trình): 747.288,445 triệu đồng.

- Các công trình, dự án dự kiến hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng sau năm 2020 (44 công trình): 183.850,00 triệu đồng.

(6) Vốn chuẩn bị đầu tư các công trình, dự án dự kiến thực hiện sau năm 2020: 2.000 triệu đồng.

(7) Hỗ trợ đầu tư các công trình thuộc các xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Thanh toán số vốn còn thiếu của các công trình hằng năm được phê duyệt quyết toán, công trình hoàn thành vượt tiến độ thuộc Kế hoạch đầu tư và xây dựng của tỉnh, các công trình cấp thiết: 40.000 triệu đồng.

2.3.2. Vốn đầu tư từ nguồn thu Xổ số kiến thiết: 65.070 triệu đồng, trong đó:

- Công trình khởi công mới trong giai đoạn 2011 - 2015, chuyển tiếp sang giai đoạn 2016 - 2020, hoàn thành giai đoạn 2016 - 2020 (11 công trình): 2.555 triệu đồng.

- Công trình dự kiến khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020, hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016 - 2020 (21 công trình): 62.515 triệu đồng.

2.3.3. Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 340.200 triệu đồng.

Phân cấp cho các huyện, thành phố trong kế hoạch phân bổ vốn các huyện, thành phố thực hiện theo đúng các văn bản hướng dẫn hiện hành, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản, ưu tiên các công trình thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NĐ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, các công trình thuộc các xã hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

(Chi tiết có Biểu số 01 kèm theo)

3. Phương án phân bổ và giao kế hoạch đầu tư vốn cân đối ngân sách địa phương năm 2018

3.1. Tổng số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2018: 642.700 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 517.100 triệu đồng.

- Vốn thu từ Xổ số kiến thiết: 20.000 triệu đồng.

- Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 105.600 triệu đồng (*tổng số thu tiền sử dụng đất: 176.000 triệu đồng, trong đó: Trích lập quỹ phát triển đất: 52.800 triệu đồng; Chi cho công tác đo đạc lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 17.600 triệu đồng; Chi đầu tư: 105.600 triệu đồng*).

3.2. Dự kiến phân bổ vốn: 642.700 triệu đồng, trong đó:

3.2.1. Vốn phân cấp cho các huyện, thành phố quản lý: 152.740 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn thu tiền sử dụng đất: 105.600 triệu đồng.

- Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 35.440 triệu đồng.

- Hỗ trợ xây dựng một số công trình cấp bách, công trình thuộc các xã xây dựng nông thôn mới: 11.700 triệu đồng.

3.2.2. Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình thuộc 03 Đề án (thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016): 90.000 triệu đồng.

3.2.3. Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình thuộc các xã hoàn thành đạt chuẩn Nông thôn mới 2018: 7.000 triệu đồng.

3.2.4. Phân bổ cho các công trình đã được phê duyệt quyết toán, công trình hoàn thành đến ngày 31/12/2017 còn thiếu vốn (61 công trình): 90.146,82 triệu đồng.

3.2.5. Phân bổ cho các công trình chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2018 (17 công trình): 59.700 triệu đồng.

3.2.6. Phân bổ cho các công trình chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2018 (29 công trình): 141.538 triệu đồng.

3.2.7. Phân bổ cho các công trình dự kiến khởi công mới năm 2018 (16 công trình): 64.275,18 triệu đồng.

3.2.8. Vốn bố trí bổ sung trong năm cho công trình, dự án cần phải đẩy nhanh tiến độ thực hiện: 30.000 triệu đồng.

3.2.9. Công trình chuẩn bị đầu tư 51 công trình, trong đó 02 công trình : 3.100 triệu đồng; 39 công trình đã được phân bổ vốn năm 2017 và các năm trước; 10 công trình dự kiến xin vốn tài trợ của EU.

3.2.10. Hỗ trợ 02 dự án thuộc Chương trình hỗ trợ tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định dân cư: 4.200 triệu đồng.

(Chi tiết theo Biểu số 02)

3.2.11. Một số công trình chuẩn bị đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư xây dựng từ năm 2016, không được trung ương thẩm định và giao vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 (02 công trình), công trình sử dụng vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương chưa có thủ tục đầu tư theo quy định của Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành (17 công trình).

Theo Văn bản số 1186/BKHĐT-TH ngày 17/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020 sử dụng vốn đầu tư công phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư chậm nhất trong tháng 3 năm 2017.

(Chi tiết theo biểu số 2.1)

3.2.12. Các công trình hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán: Sau khi được phê duyệt quyết toán số vốn còn thiếu sẽ được bố trí trong thời gian tiếp theo.

(Chi tiết theo biểu số 2.2)

3.2.13. Các công trình, dự án đề nghị Trung ương hỗ trợ vốn (được thực hiện khi được Trung ương, hoặc địa phương bổ sung vốn).

(Chi tiết theo biểu số 2.3)

4. Giải pháp thực hiện

- Huy động mọi nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh thu hút các nguồn vốn đầu tư, các nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư các dự án lớn đầu tư hạ

tầng giao thông, du lịch, khu, cụm công nghiệp,... trên địa bàn tỉnh có tác động mạnh tới phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Mở rộng các hình thức đầu tư để huy động các nguồn vốn từ khu vực tư nhân, bao gồm cả vốn đầu tư nước ngoài, các hình thức đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP), như: BOT, BT,...

- Thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành và chỉ đạo của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư, nâng cao chất lượng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư ngay từ khâu lập dự án, thẩm định, bố trí vốn đầu tư, đảm bảo tuân thủ theo các quy định của nhà nước; thường xuyên đôn đốc, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, công trình; đối với những dự án, công trình thực hiện không đúng tiến độ kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh để chuyển vốn cho những dự án có tiến độ triển khai nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm nhưng chưa được bố trí vốn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2018 tỉnh Tuyên Quang, chủ động phân bổ và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hàng năm đảm bảo theo chỉ đạo của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Kế hoạch và đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị- xã hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, văn phòng cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo, Chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang; Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Tuyên Quang; Đài PT-TH Tuyên Quang;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Dg).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Văn Sơn

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỈNH TUYỀN QUANG

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyền Quang khóa XVIII)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ (I+II+III+IV)					5,333,758.583	2,820,074.000		
I	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (Phân bổ 90%); PHÂN CẤP CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ QUẢN LÝ SỬ DỤNG					340,200.00	340,200.00	(Đã giảm trừ 30% trích quỹ PT Đất và 10% Chi cho công tác đo đạc, lập CSDL hồ sơ địa chính và cấp GCNQSDĐ)	Các huyện, thành phố phân bổ vốn hằng năm Ưu tiên các công trình thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NĐ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; các công trình thuộc các xã đạt chuẩn xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020
II	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ (Phân bổ 90%)					4,627,632.026	2,132,797.00		
1)	Phân cấp cho các huyện, thành phố theo theo tiêu chí (Theo NQ số 42/2015/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyền Quang)					177,200.00	177,200.00		
1	Huyện Lâm Bình					21,995.00	21,995.00		Các huyện, thành phố phân bổ vốn hằng năm Ưu tiên các công trình thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NĐ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các công trình thuộc các xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020
2	Huyện Na Hang					23,575.00	23,575.00		
3	Huyện Chiêm Hóa					29,950.00	29,950.00		
4	Huyện Hàm Yên					20,465.00	20,465.00		
5	Huyện Yên Sơn					28,475.00	28,475.00		
6	Huyện Sơn Dương					29,765.00	29,765.00		
7	Thành phố Tuyền Quang					22,975.00	22,975.00		
2)	Trả nợ vốn vay tín dụng ưu đãi					80,000.00	80,000.00		Từ năm 2017, Trung ương đã giảm trừ trong tổng số vốn giao.

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3)	Hỗ trợ ĐTXD các công trình thuộc 03 Đề án: Kiên cố hóa kênh mương, Bê tông hóa đường giao thông nội đồng, XD nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao, khuôn viên trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 (Theo NQ số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016)					300,000.00	300,000.00		Có kế hoạch phân bổ chi tiết hằng năm
4)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020			5,982,390.68	4,632,039.67	1,324,296.000	602,458.555		
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2015			1,794,166.92	1,614,219.14	153,892.781	127,034.336		
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đường Lý Thái Tổ qua cầu Gạo đến QL2 đoạn tránh thị xã Tuyên Quang	2009-2013	2302 12/12/2016	66,363.64	56,036.00	10,327.64	10,327.64	UBND - TPTQ	Đã phê duyệt quyết toán
2	Vốn NSDP, Dự án ĐTXD Trường PTDT nội trú THCS huyện Yên Sơn	2010-2013	492 19/5/2017	39,543.46	37,362.46	2,181.00	2,181.00	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đã phê duyệt quyết toán
3	Trụ sở UBND xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình	2015-2016	505 19/5/2017	6,766.11	5,925.82	840.292	840.292	UBND huyện Lâm Bình	Đã phê duyệt quyết toán
4	Trụ sở UBND xã Côn Lôn, huyện Na Hang	2013	1582 03/11/2016	6,087.72	5,600.72	487.00	487.00	UBND huyện Na hang	Đã phê duyệt quyết toán
5	Cải tạo, sửa chữa Hội trường 02 tầng của UBND tỉnh	2014-2015	1800 27/12/2015	13,143.25	11,550.00	1,593.245	1,593.245	VP-UBND tỉnh	Đã phê duyệt quyết toán
6	Xây dựng Nhà làm việc Chi cục Kiểm lâm Tuyên Quang.	2011-2015	1090 25/7/2016	9,406.18	9,200.00	206.18	206.18	Chi cục Kiểm Lâm	Đã phê duyệt quyết toán
7	Trụ sở xã An Khang - thành phố TQ	2013-2014	160 19/02/2016	5,818.41	5,599.81	218.603	218.603	UBND - TPTQ	Đã phê duyệt quyết toán
8	Nhà làm việc và nhà ở cho cán bộ, chiến sỹ thuộc dự án Trường Quân sự tỉnh	2014-2015		6,122.48	4,697.51	1,424.97	1,424.97	BCH Quân sự tỉnh	Đã phê duyệt quyết toán
9	Sửa chữa, cải tạo Hội trường Bộ chỉ huy Quân sự, tỉnh Tuyên Quang	2010-2011	823 30/7/2014	2,373.77	2,328.77	45.00	45.00	BCH Quân sự tỉnh	Đã phê duyệt quyết toán
10	Cải tạo, nâng cấp đường Lê Đại Hành (từ ngã ba Bình Thuận đến nút giao giữa QL37 với QL2 đoạn tránh thị xã Tuyên Quang)	2010-2013	80 07/01/2009	41,588.00	39,023.34	2,564.66	2,564.66	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Đã phê duyệt quyết toán
11	San nền Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ Nông dân - Hội nông dân tỉnh Tuyên Quang	2012-2013	127 06/02/2015	7,515.98	4,198.55	3,317.43	3,317.43	Hội Nông dân tỉnh TQ	Đã phê duyệt quyết toán

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12	Khu trung tâm Cụm xã Minh Hương, huyện Hàm Yên	2009-2011	1254 27/9/2010	8,944.00	8,840.79	103.21	103.21	UBND huyện Hàm Yên	Đã phê duyệt quyết toán
13	Trung tâm cụm xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình	2010-2011	56 12/01/10	4,181.00	4,162.06	18.939	18.939	UBND huyện Na hang	Đã phê duyệt quyết toán
14	Trung tâm cụm xã Yên Hoa, huyện Na Hang	2010-2011	57 12/01/10	3,592.00	2,996.07	595.927	595.927	UBND huyện Na hang	Đã phê duyệt quyết toán
15	Trung tâm cụm xã Bình Yên, huyện Sơn Dương	2010-2012	1236 03/11/2014	6,179.89	4,278.89	1,901.00	1,901.00	UBND huyện Sơn Dương	Đã phê duyệt quyết toán
16	Đường Kiên Đài- Bình Phú, huyện Chiêm Hóa	2008-2012	1694 31/12/2014	21,317.30	20,520.30	797.00	797.00	UBND huyện Chiêm Hóa	Đã phê duyệt quyết toán
17	Đường tràn liên hợp Cầu bản thôn Cây Vải xã Thái Hoà, huyện Hàm Yên	2006-2007	246 19/3/202015	974.10	851.00	123.10	123.10	UBND huyện Hàm Yên	Đã phê duyệt quyết toán
18	Vốn đối ứng NSDP, Dự án đường Tứ Quận - Quý Quân (GD1) JICA SPL V	2009-2012	611 02/6/2015	47,347.57	42,065.78	5,281.788	5,281.788	UBND huyện Yên Sơn	Đã phê duyệt quyết toán
19	Vốn đối ứng NSDP, dự án Đường Chiêm Hóa - Trung Hòa - Nhân Lý (JICA SPL VI)	2009-2012	1690 31/12/2014	49,880.84	46,986.84	2,894.00	2,894.00	UBND huyện Chiêm Hóa	Đã phê duyệt quyết toán
20	Cải tạo, nâng cấp đường 13B, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	2009-2012	429 07/05/2015	32,105.94	25,096.68	7,009.26	7,009.26	UBND huyện Sơn Dương	Đã phê duyệt quyết toán
21	Hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng Công trình Trạm y tế xã Côn Lôn, huyện Na Hang	2015		3,806.55	3,409.97	396.579	396.579	UBND huyện Lâm Bình	Phân cấp vốn đầu tư cho huyện Quản lý
22	Vốn đối ứng NSDP, dự án Cải tạo, nâng cấp rải nhựa tuyến đường từ xã Thượng Lâm - Lãng Can (JICA)	2013-2015	1232 30/9/2015	32,276.20	30,916.20	1,360.00	1,360.00	UBND huyện Lâm Bình	Đã phê duyệt quyết toán
23	Nhà khám đa khoa, xét nghiệm, Xquang của Trung tâm y tế Chiêm Hoá	2001-2002	1371 27/10/2015	3,037.84	2,924.35	113.49	113.49	BVĐK Chiêm Hoá	Đã phê duyệt quyết toán
24	Vốn đối ứng NSDP, công trình Trạm bơm điện Minh An, xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa			2,015.00	1,818.00	197.00	197.00	UBND huyện Chiêm Hóa	Đã phê duyệt quyết toán
25	Vốn đối ứng NSDP, Dự án Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Công trường 06: thành phố Tuyên Quang; các huyện: Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hóa, Na Hang	2012-2013	1607 21/11/2015	12,121.21	11,234.88	886.33	886.33	Sở LĐT&XH	Đã phê duyệt quyết toán
26	Vốn đối ứng NSDP, Dự án Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Công trường 06 trên địa bàn tỉnh	2012-2013	1621 25/11/2015	6,702.88	5,156.69	1,546.19	1,546.19	Sở LĐT&XH	Đã phê duyệt quyết toán

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
27	Vốn NSDP, Dự án ĐTXD Trường PTDT nội trú THCS huyện Chiêm Hóa	2010-2013	1676 07/12/2015	28,596.29	26,526.29	2,070.00	2,070.00	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đã phê duyệt quyết toán
28	Vốn NSDP, dự án Nâng cấp hoàn thiện trường THPT ATK Tân Trào, huyện Sơn Dương	2011-2013	872 11/8/2014	17,518.80	17,342.18	176.62	176.62	BQL Dự án vùng CCCM-TQ	Đã phê duyệt quyết toán
29	Xây dựng Ký túc xá Sinh viên trường Đại học Tân Trào.	2013-2015	1464 27/11/2013	16,017.16	11,700.00	1,210.16	1,210.16	Trường ĐH Tân Trào	Đã phê duyệt quyết toán
30	Nhà làm việc Sở Thông tin & truyền thông	2009-2011	1082 01/10/2014	7,499.54	7,449.54	50.00	50.00	Sở TT&TT	Đã phê duyệt quyết toán
31	Xây dựng nhà huyện uỷ, huyện Sơn Dương	2013-2015	1657 02/12/2015	25,459.31	20,424.01	5,035.30	5,035.30	VP- Huyện uỷ Sơn Dương	Đã phê duyệt quyết toán
32	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc Trung tâm khuyến nông thành nhà làm việc liên cơ quan thuộc Sở NN&PTNT	2009-2010	2189 12/11/2008	6,837.26	6,814.26	23.00	23.00	Sở NN&PTNT	Đã phê duyệt quyết toán
33	Nhà làm việc BQL Khu Du lịch suối khoáng Mỹ Lâm và trung tâm quản lý, khai thác dịch vụ SK Mỹ Lâm, huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang	2010-2011	1143 15/9/2015	8,229.53	8,127.42	102.11	102.11	BQL Khu du lịch - SK Mỹ Lâm	Đã phê duyệt quyết toán
34	Vốn NSDP, dự án Đường vào Trung tâm xã Kiến Thiết, huyện Yên Sơn	2010-2013	619 03/6/2015	75,765.91	75,300.00	465.912	465.912	UBND huyện Yên Sơn	Vốn TPCP (đã phê duyệt QT)
35	Vốn NSDP, Dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ Ngựa Lông, huyện Hàm Yên	2010-2013	67 25/01/2014	24,408.02	23,661.02	747.00	747.00	UBND huyện Hàm Yên	Vốn TPCP (đã phê duyệt QT)
36	Trụ sở UBND xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên	2013	98 15/02/2014	4,707.54	4,300.00	407.54	407.54	UBND huyện Hàm Yên	Đã phê duyệt quyết toán
37	Trụ sở UBND xã Trung Minh, huyện Yên Sơn	2013	1569 01/11/2016	6,834.26	5,800.00	1,034.264	1,034.264	UBND huyện Yên Sơn	Đã phê duyệt quyết toán
38	Trụ sở UBND xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương	2013	462 21/5/2014	6,257.61	5,657.61	600.00	600.00	UBND huyện Sơn Dương	Đã phê duyệt quyết toán
39	Khu nhà tiền chế để làm trụ sở làm việc tạm thời của Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện Lâm Bình	2011	763 31/5/2016	18,454.80	18,085.11	369.69	369.69	UBND huyện Lâm Bình	Đã phê duyệt quyết toán
40	Trụ sở xã Sinh Long, huyện Na Hang	2013-2014	1436 30/9/2016	6,360.98	5,296.97	1,064.016	1,064.016	UBND huyện Na hang	Đã phê duyệt quyết toán
41	Trụ sở xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn	2013-2014	1066 27/7/2016	5,238.15	4,500.00	738.146	738.146	UBND huyện Yên Sơn	Đã phê duyệt quyết toán

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
42	Trụ sở UBND xã Linh Phú, huyện Chiêm Hóa	2013	1773 24/12/2015	5,795.82	5,300.01	495.81	495.81	UBND huyện Chiêm Hóa	Đã phê duyệt quyết toán
43	Trụ sở xã Khuôn Hà- Lâm Bình	2013-2014		6,029.56	5,643.02	386.536	386.536	UBND huyện Lâm Bình	Đã phê duyệt quyết toán
44	Cải tạo, mở rộng Trụ sở làm việc của Sở Tài nguyên và Môi trường	2011-2013	1646 27/11/2015	16,392.41	15,600.01	792.40	792.40	Sở TN&MT	Đã phê duyệt quyết toán
45	Cải tạo, nâng cấp Nhà làm việc và các HMPT của huyện ủy - Na Hang	2011-2012	1701 10/12/2015	25,132.31	22,520.78	2,611.53	2,611.53	VP Huyện ủy Na Hang	Đã phê duyệt quyết toán
46	Trụ sở UBND thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên	2013-2014	638 05/6/2015	4,368.15	4,000.00	368.15	368.15	UBND huyện Hàm Yên	Đã phê duyệt quyết toán
47	Trụ sở UBND xã Hồng Quang, huyện Lâm Bình	2013	71 21/01/2016	6,282.80	5,724.49	558.313	558.313	UBND huyện Lâm Bình	Đã phê duyệt quyết toán
48	Vốn đối ứng NSDP, Dự án Bệnh viện Đa khoa khu vực Trung Sơn (OPEC)	2011-2015	113 20/2/2014	222,504.83	215,167.59	7,337.24	7,337.24	BQL Dự án vùng CCCM-TQ	Vốn đối ứng NSDP
49	Vốn NSDP, Xây dựng Trạm Y tế xã Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương	2015-2016		4,338.48	3,634.24	704.242	533.797	Sở Y tế	Vốn đối ứng NSDP (Năm 2015 được giao dự toán: 3.500 trđ vốn EU tài trợ)
50	Vốn NSDP bố trí giá trị quyết toán còn thiếu, Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hồ Khôn, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên (GD 1)	2014-2015	33 13/01/2017	12,557.55	10,000.00	2,557.545	2,557.545	UBND huyện Hàm Yên	Phê duyệt quyết toán giai đoạn 1 (dự án xin vốn NSTW)
51	Vốn NSDP bố trí giá trị quyết toán còn thiếu, Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hồ Đèo Hoa, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn (GD 1)	2011-2015	152 18/02/2016	12,055.54	12,000.04	55.500	55.500	Sở NN&PTNT	Phê duyệt quyết toán giai đoạn 1 (dự án xin vốn NSTW)
52	Vốn NSDP bố trí vốn còn thiếu sau khi quyết toán công trình XD các hạng còn lại của Bệnh viện ĐK huyện Sơn Dương	2009-2012	1603 20/11/2015	26,693.59	26,327.28	366.307	366.307	Bệnh viện ĐK Sơn Dương	Vốn TPCP (đã phê duyệt QT)
53	Vốn NSDP, dự án Kè bảo vệ chống sạt lở bờ suối xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	2011-2013	1324 12/10/2015	47,635.51	43,100.01	4,535.50	4,535.50	UBND huyện Hàm Yên	Đã phê duyệt quyết toán
54	NSDP, bố trí vốn còn thiếu sau quyết toán dự án hoàn thành (giai đoạn 1), dự án Cầu Kim Xuyên, huyện Sơn Dương	2010-2015	1131 03/10/2017	296,739.74	295,300.00	1,436.736	636.736	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Vốn TPCP (năm 2017 vốn TPCP: 800 trđ); Đã phê duyệt quyết toán
55	Nâng cấp, sửa chữa đường từ cầu trắng và Thác Dăng đi lán Nà Nưa, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương	2015-2016	42 21/01/2015	13,583.45	5,188.75	8,394.70	8,394.70	UBND huyện Sơn Dương	Đã phê duyệt quyết toán

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
56	NSDP bố trí vốn còn thiếu sau quyết toán của một số hạng mục, dự án Phục hồi, bảo tồn và tôn tạo khu di tích lịch sử của Chính phủ tại thôn Lập Bình xã Bình Yên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2008-2013		7,127.90	7,105.10	22.80	22.80	Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch	Đã phê duyệt quyết toán
57	Hỗ trợ các công trình đường trục xã, liên xã tại xã điểm xây dựng nông thôn mới			21,828.00	18,550.35	3,277.655	3,277.655		
	- Xã Thượng Lâm			14,470.00	12,400.35	2,069.655	2,069.655	UBND huyện Lâm Bình	
	- Xã Kim Bình			7,358.00	6,150.00	1,208.000	1,208.000	UBND huyện Chiêm Hóa	
58	NSDP bố trí vốn còn thiếu sau quyết toán một số hạng mục thuộc dự án Phục hồi, bảo tồn, tôn tạo các Di tích Lịch sử cách mạng và kháng chiến (ATK) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang			23,854.43	23,273.60	580.83	580.83	Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch	Đã phê duyệt quyết toán
	- Công trình phục hồi bảo tồn, tôn tạo DTLS Đại hội II, Kim Bình, huyện Chiêm Hóa	2007-2009		6,869.00	6,775.20	93.80	93.80		
	- Công trình phục hồi bảo tồn, tôn tạo DTLS cách mạng và kháng chiến (ATK) giai đoạn 1	2008-2012		5,851.27	5,394.80	456.47	456.47		
	- Công trình phục hồi bảo tồn, tôn tạo DTLS cách mạng và kháng chiến (ATK) giai đoạn 2	2010-2011		5,170.69	5,167.90	2.79	2.79		
	- Công trình phục hồi bảo tồn, tôn tạo DTLS cách mạng và kháng chiến (ATK) các hạng mục còn lại	2010-2012		5,963.47	5,935.70	27.77	27.77		
59	Vốn đối ứng NSDP, Chương trình nước sạch và VSMT các tỉnh miền núi phía Bắc (vốn Phần Lan)			47,354.83	44,821.43	2,533.399	645.399		Vốn đối ứng NSDP
-	Dự án cấp thoát nước và VSMT thị trấn Na Hang, huyện Na Hang - Hợp phần cấp nước	2011-2014	1208 23/9/2011	18,718.90	17,869.36	849.545	81.545	C.ty TNHH MTV cấp thoát nước - TQ;	Đã phê duyệt quyết toán
-	Dự án cấp thoát nước và VSMT thị trấn Na Hang, huyện Na Hang - Hợp phần thoát nước	2011-2014	1206 23/9/2011	11,011.43	10,490.98	520.446	77.446	UBND thị trấn NH, huyện NH	Đã phê duyệt quyết toán
-	Dự án cấp thoát nước và VSMT thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá - Hợp phần cấp nước	2011-2014	1209 23/9/2011	6,708.50	6,051.35	657.155	367.155	C.ty TNHH MTV cấp thoát nước - TQ;	Đã phê duyệt quyết toán
-	Dự án cấp thoát nước và VSMT thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá - Hợp phần thoát nước	2011-2014	1207 23/9/2011	10,916.00	10,409.75	506.253	119.253	UBND Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện CH	Đã phê duyệt quyết toán

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
60	Vốn đối ứng NSDP, Dự án phát triển giáo dục THPT (giai đoạn 2); vốn ADB	2015-2016		19,137.50	14,816.50	4,320.997	4,320.997	Sở Giáo dục và Đào tạo	Vốn đối ứng NSDP
	- Nhà lớp học 12 phòng học trường THPT Phù Lưu, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên		1067 26/9/2014	6,064.19	4,811.61	1,252.587	1,252.587		Đã phê duyệt quyết toán
	- Nhà lớp học 12 phòng học trường THPT Đầm Hồng, xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa		1105 06/10/2014	6,771.57	5,279.92	1,491.645	1,491.645		Đã phê duyệt quyết toán
	- Nhà lớp học 12 phòng học trường THPT Sông Lô, xã Đội Cấn - TPTQ		1093 03/10/2014	6,301.74	4,724.97	1,576.765	1,576.765		Đã phê duyệt quyết toán
	Đường vào khu xử lý rác xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	2013-2015	1583 17/12/2012	18,967.22	14,200.00	1,500.00	1,500.00	UBND huyện Yên Sơn	
62	Vốn NSDP, Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do thôn Ngòi Sen, Tháng 10, xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên	2012-2015	625 19/6/2012	32,016.00	22,000.00	8,200.00	3,200.00	UBND huyện Hàm Yên	Vốn CT hỗ trợ tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định dân cư GD 2016-2020: 5.000 triệu đồng
63	Hạng mục Nhà thi đấu Đa năng thuộc Dự án ĐTXD công trình Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang (vốn NSDP bố trí thanh toán khối lượng hoàn thành)	2015-2016	639 05/6/2015	7,983.70	7,000.00	700.000	700.000	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang	
64	Công trình di chuyển đường điện và xây dựng hệ thống thoát nước thải trong Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang	2011-2013	1010 15/8/2011	8,065.30	5,145.00	2,900.00	2,900.00	BQL Khu du lịch - SK Mỹ Lâm	
65	Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp tỉnh Tuyên Quang	2015	22 12/01/2015	9,382.62	6,449.12	2,900.00	2,900.00	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp tỉnh	
66	Trụ sở xã Tân Trào - Sơn Dương	2013-2014	1009 31/8/2012	11,389.43	10,000.00	350.00	350.00	UBND huyện Sơn Dương	
67	Công trình phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Tuyên Quang; năm 2014 đầu tư xây dựng hệ thống đường, Nhà chỉ huy bản diễn tập.	2013-2014	709 05/7/2014	9,719.69	8,500.00	500.00	500.00	BCH Quân sự tỉnh	
68	Cải tạo, nâng cấp nhà khách cơ quan BCH Quân sự tỉnh	2014-2015	893 18/8/2014	6,185.16	5,622.87	400.00	400.00	BCH Quân sự tỉnh	
69	Vốn đối ứng NSDP, Dự án Hệ thống thủy lợi xã Trung Trục, huyện Yên Sơn (JICA, SPL VI)	2009-2012	64 26/1/2013	38,390.00	31,547.00	2,500.00	2,500.00	UBND huyện Yên Sơn	
70	Trụ sở làm việc của Đảng uỷ, HĐND, UBND xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hoá	2010-2011		4,592.58	3,800.00	600.00	600.00	UBND huyện CH	

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
71	NSDP hỗ trợ bồi thường GPMB, dự án Cải tạo nút giao thông Km5 Quốc Lộ 2 (đường Tuyên Quang - Hà Giang)	2011-2014	1352 21/10/2011	31,093.00	17,597.08	2,000.00	2,000.00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
72	NSDP bố trí quyết toán kinh phí chuẩn bị đầu tư Công trình Cải tạo nâng cấp tuyến đường Kim Bình (Từ khu trại Tầm xóm 13, Nông Tiến đến Km3+800 đường ĐT)				300.00	789.00	789.00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
73	NSDP bố trí quyết toán kinh phí chuẩn bị đầu tư Công trình Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ QL2 đoạn tránh thị xã Tuyên Quang (nay là TPTQ) tại vị trí xây dựng TT sắt hạch lái xe đến cây Xăng Km131+130 giao với QL2, sau đó đi trùng với QL2 đến công UBND huyện Yên Sơn đi khu sản xuất gạch Tuy Nén Viên Châu				280.00	194.00	194.00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
74	Vốn đối ứng NSDP, Dự án bố trí sắp xếp ổn định dân cư xã Sơn Phú, huyện Na Hang	2012-2015	1363 22/10/2011	49,966.00	31,829.00	22,900.00	4,900.00	Chi cục phát triển nông thôn	Vốn CT hỗ trợ tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định dân cư GD 2016-2020: 18.000 triệu đồng, TR.đó: 8.000 trđ thu hồi vốn ứng trước
75	Vốn NSDP, dự án Xây dựng trường PTDTNT THCS huyện Hàm Yên	2015	603 31/5/2011	49,607.40	38,110.00	5,600.00	4,600.00	Sở Giáo dục và Đào tạo	Vốn NSTW giai đoạn 2016-2020: 1.000 trđ
b)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020			4,188,223.75	3,017,820.53	1,170,403.219	475,424.219		
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020			4,188,223.75	3,017,820.53	1,170,403.219	475,424.219		
1	Sửa chữa nền, nâng cấp mặt đường và chỉnh trang các công trình trên tuyến đường Chiến thắng sông Lô (từ ngã ba khách sạn Lô Giang đến cầu Chả cũ)	2015-2016	1166 19/9/2015	8,029.32	3,000.00	4,571.633	2,071.633	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Đã phê duyệt quyết toán
2	Sửa chữa nền, nâng cấp mặt đường và chỉnh trang các công trình trên tuyến đường Đinh Tiên Hoàng - Nguyễn Văn Linh - Hà Huy Tập (Tuyến đường vòng quang khu vực Đài tưởng niệm tỉnh Tuyên Quang)	2015-2016	1164 19/9/2015	14,927.72	4,500.00	9,681.217	3,681.217	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Đã phê duyệt quyết toán
3	Sửa chữa nền, nâng cấp mặt đường và chỉnh trang các công trình trên tuyến đường 17/8, đoạn từ rạp Tháng 8 đến trung tâm Hội nghị tỉnh và đường Nguyễn Thị Minh Khai, đoạn từ đường 17/8 đến nhà khách Kim Bình.	2015-2016	1167 19/9/2015	8,600.23	3,000.00	4,618.862	2,118.862	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Đã phê duyệt quyết toán

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	Sửa chữa nền, nâng cấp mặt đường và chỉnh trang các công trình trên tuyến đường Bình Thuận, đoạn từ công thành nhà Mạc đến nút giao vòng xuyên với đường Lý Thái Tổ, qua Cục thuế mới đến đường Chiến Thắng sông Lô.	2015-2016	1165 19/9/2015	14,778.27	9,500.00	4,507.519	1,507.519	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Đã phê duyệt quyết toán
5	Công trình Sửa chữa nền, nâng cấp mặt đường và chỉnh trang các công trình trên tuyến đường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	2015-2016	285 17/3/2016	2,155.64		1,716.995	716.995	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
6	Vốn NSDP, Dự án Kè bảo vệ chống sạt lở bờ suối xã Minh Hương, huyện Hàm Yên	2013-2015	391 22/4/2013	59,310.88	46,526.80	5,752.82	5,752.82	UBND huyện Hàm Yên	Đã phê duyệt quyết toán
7	Vốn NSDP bố trí giá trị quyết toán còn thiếu, Dự án Sửa chữa, nâng cấp công trình Hồ chứa nước Tân Dân, xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (giai đoạn 1)	2016-2017	545 27/4/2016	32,552.00		31,749.455	11,749.455	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Vốn NSDP bố trí số vốn còn thiếu sau quyết toán giai đoạn 1 (vốn dự phòng NSTW năm 2015: 20.000 triệu đồng)
8	Vốn đối ứng NSDP - Dự án nông nghiệp, nông dân và nông thôn tỉnh Tuyên Quang			595,706.00	495,336.50	43,450.00	1,055.00	BQL Dự án IFAD	Đã phê duyệt quyết toán (Giai đoạn 2016-2020, vốn ODA: 36.395 trđ, vốn đối ứng NSTW: 6.000 trđ)
9	Vốn NSDP thanh toán số vốn còn thiếu quyết toán giai đoạn 1 và khối lượng hoàn thành giai đoạn 2, Dự án kè bờ suối Nặm Chang bảo vệ khu TTCT - HC huyện Lâm Bình		861 03/8/2012	35,425.77	5,000.00	28,517.579	13,217.579	UBND huyện Lâm Bình	Vốn NSDP bố trí số vốn còn thiếu sau quyết toán giai đoạn 1 (vốn NSTW giai đoạn 2016-2020: 5.000 triệu đồng thu hồi vốn ứng trước); Vốn dự phòng NSTW năm 2015: 10.000 trđ
10	Trụ sở UBND xã Năng Khả, huyện Na Hang	2015-2016	1188 24/10/2014	7,332.75		6,200.00	6,200.00	UBND huyện Na hang	
11	Trụ sở UBND xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	2015-2016	591 29/5/2015	4,758.00		4,044.00	4,044.00	UBND huyện Hàm Yên	
12	Trụ sở UBND xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương	2015-2016	1081 01/10/2014	7,369.94	100.00	7,000.00	7,000.00	UBND huyện Sơn Dương	
13	Trụ sở UBND xã Xuân Lập, huyện Lâm Bình	2016-2020	120 25/10/2014	6,228.00	3,950.00	1,690.00	1,690.00	UBND huyện Lâm Bình	
14	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 03 tầng và các hạng mục phụ trợ của UBND tỉnh	2015-2017	1304a 31/10/2014	14,169.00	4,200.00	9,500.00	9,500.00	VP-UBND tỉnh	
15	Sửa chữa, xây dựng bổ sung Nhà làm việc Sở Văn Hoá TT&DL		1099 14/9/2012	15,396.83	11,156.00	3,516.00	3,516.00	Sở VH TT&DL	

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
16	Mở rộng phòng ăn tầng 1, xây dựng mới nhà bếp và làm sảnh đón khách có mái che của Nhà khách Kim Bình tỉnh Tuyên Quang	2015-2016	1502 30/10/2015	14,998.08	7,065.30	7,500.00	7,500.00	VP - Tỉnh ủy	
17	Xây dựng mở rộng khu tái định cư di chuyển các hộ dân khu xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	2014-2016	362 05/5/2014	7,711.53	5,099.00	2,600.00	2,600.00	UBND huyện Yên Sơn	
18	Vốn NSDP, dự án Đường Đầm Hồng - Phú Bình - Kiên Đài (ĐH.03), huyện Chiêm Hoá	2016-2018	1170 20/10/2014	75,139.40	16,000.00	54,000.00	4,500.00	BQL Dự án vùng căn cứ Cách mạng - TQ	Vốn phát triển KT-XH các vùng giai đoạn 2016-2020: 49.500 trđ và vốn NSDP
19	Vốn NSDP, Dự án Cải tạo, nâng cấp đường Thổ Bình - Thượng Lâm (ĐT.188), huyện Lâm Bình (Đoạn từ Km0 đến Km8+831,37)	2014-2017	516 28/5/2014	207,957.00	11,200.00	85,000.00	85,000.00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Vốn NSDP giai đoạn 2016-2020: 85 tỷ đồng, số vốn còn lại sử dụng Vốn quỹ bảo trì đường bộ (Dự toán PD: 143,177 tỷ đồng; Giá trị trúng thầu xây lắp + các chi phí khác: 122,650 tỷ đồng).
20	Dự án đầu tư xây dựng (giai đoạn 1) Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang	2015-2017	1095 26/7/2016	24,940.28	11,351.00	12,000.00	12,000.00	BQL Khu du lịch - SK Mỹ Lâm	
21	Vốn NSDP, dự án xây dựng Hạ tầng Khu di tích thắng cảnh Động Tiên, huyện Hàm Yên	2013-2015	1684 02/12/2010	31,638.83	19,137.00	9,000.00	9,000.00	UBND huyện Hàm Yên	
22	Vốn NSDP, dự án Đường giao thông phân khu Du lịch Lâm viên Phiêng Bung, thuộc khu Du lịch sinh thái Na Hang, huyện Na Hang	2014-2016	1174; 21/10/2014 527; 25/5/2017	17,335.16	9,599.00	7,736.00	7,736.00	UBND huyện Na hang	
23	Đường Vinh Quang - Bình Nhân (ĐH.06), huyện Chiêm Hoá	2015-2017	350 16/4/2015	39,999.94	14,670.15			Sở Tài chính	Vốn hỗ trợ của Bộ Tài chính (năm 2016: 17.550,629 trđ, năm 2017: 4.000 trđ) hằng năm phân bổ theo số vốn được hỗ trợ
24	Trụ sở Sở Tài chính (địa điểm mới)	2014-2017	1112 06/10/2014	139,825.67	35,560.00			Sở Tài chính	Vốn hỗ trợ của Bộ Tài chính (năm 2016: 36.000 trđ, năm 2017: 43.965 trđ) hằng năm phân bổ theo số vốn được hỗ trợ
25	Vốn đối ứng NSDP, Dự án cầu nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2015-2017	655 21/10/2014	23,266.24	1,200.00	6,900.00	6,900.00	Tỉnh Đoàn Tuyên Quang	Vốn Trung ương Đoàn (NSTW: 18.266,241trđ; NSDP: 5.000trđ); năm 2015 : 1.200 trđ
26	Vốn NSDP, Dự án điều chỉnh bổ sung Đường Phù Lưu - Minh Dân - Minh Khương, huyện Hàm Yên (giai đoạn 2)		1315 14/10/2011	145,585.32	68,000.00	58,000.000	48,000.000	UBND huyện Hàm Yên	Giai đoạn 2, vốn cân đối NSDP + nguồn Vượt thu, các nguồn vốn khác

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
27	Công trình A04 của tỉnh Tuyên Quang	2016-2018	64 08/12/2016	49,184.26	18,091.85	25,500.00	19,500.00	BCH Quân sự tỉnh	Năm 2017: 6.000 trđ vốn hỗ trợ của Bộ Tài chính
28	Vốn NSDP, dự án Đường giao thông từ xã Hồng Quang đi xã Bình An, huyện Lâm Bình	2013-2016	782 11/7/2013	130,274.90	75,000.00	17,890.00	17,890.00	UBND huyện Lâm Bình	Vốn vay tín dụng ưu đãi và các nguồn vốn hợp pháp khác
29	Vốn NSDP bố trí giá trị quyết toán còn thiếu, dự án Kè bảo vệ chống sạt lở hai bờ sông Phó Đáy, khu vực DTLS ATK tại các xã Trung Yên, Minh Thanh, Tân Trào, huyện Sơn Dương (Giai đoạn I)	2012-2015	564 31/5/2017	41,290.56	37,463.00	3,827.55	3,827.55	UBND huyện Sơn Dương	Dự án xin vốn hỗ trợ từ NSTW
30	Vốn NSDP, Dự án Bệnh viện Đa khoa huyện Lâm Bình	2013-2017	594 03/6/2013	164,932.00	87,664.00	44,801.00	18,000.00	UBND huyện Lâm Bình	Vốn CTMT phát triển hệ thống y tế địa phương giai đoạn 2016-2020: 26.801 trđ + Vốn NSDP, các nguồn vốn hợp pháp khác
31	Vốn NSDP, Dự án Bệnh viện đa khoa Chiêm Hóa	2016-2017	693 20/5/2016	79,172.30	52,162.00	25,176.00	22,000.00	Sở Y tế	Vốn TPCP + Vốn đầu tư trong cân đối NSDP
32	Đường Yên Hoa Sinh Long (ĐH.02), huyện Na Hang	2015-2017	1556 26/12/2014	47,652.09	15,000.00	18,696.34	11,696.34	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	(Năm 2015, bố trí từ nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi: 15.000 trđ)
33	Đường Đồng Quý - Vân Sơn (ĐH.21 và ĐH.04), huyện Sơn Dương	2015-2017	1699 31/12/2014	33,508.06	15,000.00	12,323.20	12,323.20	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	(Nguồn tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2015: 15.000trđ)
34	Vốn NSDP, Dự án Xây dựng trung tâm chính trị - hành chính của huyện Lâm Bình (Hội trường, Nhà làm việc của Huyện uỷ, Nhà làm việc của HĐND...)	2013-2017	1173/QĐ-CT 21/9/2012	238,700.00	60,393.00	38,000.00	8,000.00	UBND huyện Lâm Bình	Vốn phát triển KT-XH các vùng giai đoạn 2016-2020: 30.000 trđ và vốn NSDP
35	Vốn NSDP, dự án Đường lên Trung tâm chính trị - hành chính, huyện Lâm Bình		947/QĐ-CT 13/8/2013	197,803.89	115,000.00	32,000.00	32,000.00	UBND huyện Lâm Bình	Vốn vay tín dụng ưu đãi và các nguồn vốn hợp pháp khác (Đã PDQT giai đoạn 1, giá trị QT: 101.210,598 trđ)
36	Vốn NSDP, Dự án Đường giao thông tại trung tâm hành chính TPTQ (đoạn nối từ QL2 cũ đến QL2, đoạn tránh TPTQ);	2013-2018	1763 30/12/2012	295,126.55	39,346.00	75,000.00	30,000.00	UBND - TPTQ	Vốn phát triển KT-XH các vùng giai đoạn 2016-2020: 45.000 trđ và vốn NSDP (UBND thành phố bố trí vốn đền bù GPMB và một số hạng mục theo Dự án được phê duyệt)
37	Vốn NSDP, Dự án di dân khẩn cấp tại xóm Dùm, phường Nông Tiến, Thành phố Tuyên Quang	2012-2016	896 13/8/2012	54,213.80	12,324.00	11,760.455	1,760.455	UBND-TPTQ	Dự án xin vốn hỗ trợ từ NSTW (Vốn NSTW giai đoạn 2016-2020: 10.000 trđ thu hồi vốn ứng trước)

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
38	Vốn đối ứng NSDP, Dự án Xây dựng đường giao thông các tỉnh miền núi phía bắc (ADB)		1762; 1763 22/12/2015	300,805.78	180,137.00	99,359.597	6,419.597	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Vốn ODA giai đoạn 2016-2020: 51.000 trđ, Vốn đối ứng NSTW: 41.940 trđ và vốn đối ứng NSDP
39	Vốn đối ứng NSDP, Dự án phát triển hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc (ADB)	2011-2016	2881 13/11/2012	157,135.00	102,566.95	9,290.00	4,500.00	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Vốn đối ứng NSTW giai đoạn 2016-2020: 4.790 trđ và vốn đối ứng NSDP
40	Vốn đối ứng NSDP, Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Tuyên Quang (WB):	2015-2020	1497 17/12/2014	843,286.77	51,988.77	347,527.00	30,450.00	UBND-TPTQ	Vốn ODA giai đoạn 2016-2020: 250.407 trđ, Vốn đối ứng NSTW: 66.670 trđ và vốn đối ứng NSDP của tỉnh, Thành phố
5)	Dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2016-2020			4,540,777.99	7,079.49	2,704,136.026	931,138.445		
5.1	Dự án, dự kiến hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020			2,696,311.61	6,254.00	1,565,721.026	747,288.445		
1	Vốn NSDP, Dự án Nâng cấp cơ sở hạ tầng thị trấn Na Hang lên Thị xã Na Hang	2016-2020	353 28/3/2016	170,000.00		105,000.00	5,000.00	UBND huyện Na hang	Vốn CTMT phát triển KTXH các vùng giai đoạn 2016-2020: 100.000 trđ + Vốn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác
2	Vốn NSDP, Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông khu vực trung tâm huyện Lâm Bình	2016-2020	379 30/3/2016	113,899.00		95,000.00	5,000.00	UBND huyện Lâm Bình	Vốn CTMT phát triển KTXH các vùng giai đoạn 2016-2020: 90.000 trđ + Vốn NSDP, các nguồn vốn hợp pháp khác
3	Vốn NSDP, Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước mặt và xử lý nước thải, cụm công nghiệp Khuôn Phươn, huyện Na Hang	2016-2020	1473a 30/10/2015	82,203.00		25,000.00	3,000.00	UBND huyện Na hang	Vốn CTMT đầu tư hạ tầng Cụm CN giai đoạn 2016-2020: 22.000 trđ + Vốn đối ứng NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác
4	Vốn NSDP, Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2013-2020	2016-2020	1194 24/10/2014	454,223.00		82,000.00	10,000.00	Sở Công Thương	Vốn CTMT cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2016-2020: 63.000 trđ, vốn NSDP các nguồn vốn hợp pháp khác
5	Cải tạo, nâng cấp CSHT phát triển vùng cam sành trên địa bàn huyện Hàm Yên	2016-2020	381 31/3/2016	85,000.00		50,500.00	500.00	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Vốn CTMT tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư giai đoạn 2016-2020: 50 tỷ đồng, vốn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác
6	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT185 đoạn qua đèo Kéo Nàng, xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	2016-2018	1875 31/12/2015	47,544.41		38,000.00	27,000.00	UBND huyện Lâm Bình	Vốn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
7	Đường Nà Héc - Tân Mỹ (ĐH.07), huyện Chiêm Hóa	2016-2017	1738 15/12/2015	8,292.34		8,103.00	8,103.00	UBND huyện Chiêm Hóa	
8	Xây dựng tuyến đường từ khu TĐC Km13 đến tuyến A-B, thị trấn huyện lỵ Yên Sơn	2016-2017	374 30/3/2016	8,056.38		7,800.00	7,800.00	UBND huyện Yên Sơn	
9	Vốn đối ứng NSDP - công tác rà phá bom mìn, vật nổ để xây dựng 50 cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) tỉnh Tuyên Quang	2015-2019		1,332.56		1,090.177	1,090.177	Sở GT-VT	Vốn đối ứng NS tỉnh
10	Hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường Trung Hà - Hồng Quang, xã Trung Hà huyện Chiêm Hóa	2016		10,438.00		10,200.00	10,200.00	UBND huyện Chiêm Hóa	Phân cấp vốn đầu tư cho huyện Quản lý, sử dụng
11	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Huyện ủy, huyện Hàm Yên	2016-2018	18 12/01/2016	41,844.54		37,000.00	37,000.00	VP - Huyện ủy Hàm Yên	
12	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc của Thanh tra tỉnh	2016-2017	01 05/01/2016	10,612.00	200.00	9,400.00	9,400.00	Thanh tra tỉnh	
13	Trụ sở UBND xã Hà Lang, huyện Chiêm Hóa	2016-2017	1802 28/12/2015	6,009.00		5,900.00	5,900.00	UBND huyện Chiêm Hóa	
14	Trụ sở UBND xã Khau Tinh, huyện Na Hang	2016-2017	373 30/3/2016	6,614.39	50.00	6,029.66	6,029.66	UBND huyện Na hang	
15	Trụ sở UBND xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang	2016-2017	386 31/3/2016	6,476.15	50.00	6,000.00	6,000.00	UBND - TPTQ	
16	Trụ sở UBND xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình	2016-2017	1291 10/11/2017	6,020.389	50.00	5,970.339	5,970.339	UBND huyện Lâm Bình	Đã phê duyệt quyết toán
17	Trụ sở UBND xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	2016-2017	343 28/3/2016	6,154.14		5,800.00	5,800.00	UBND huyện Hàm Yên	
18	Trụ sở UBND xã Minh Khương, Hàm Yên	2016-2017	342 28/3/2016	5,883.05	50.00	5,500.00	5,500.00	UBND huyện Hàm Yên	
19	Trụ sở UBND xã Hoàng Khai - TPTQ	2016-2017	370 30/3/2016	5,739.85	50.00	5,400.00	5,400.00	UBND huyện Yên Sơn	
20	Trụ sở UBND xã Tuần Lộ, huyện Sơn Dương	2016-2017	326 23/3/2016	6,118.70	50.00	5,800.00	5,800.00	UBND huyện Sơn Dương	

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
21	Trụ sở UBND xã Hùng Mỹ, huyện Chiêm Hóa	2016-2017	1801 28/12/2015	5,855.90	345.00			Sở Tài chính	Vốn hỗ trợ của Bộ Tài chính (năm 2016: 4.400 trđ, năm 2017: 500 trđ) hằng năm phân bổ theo số vốn được hỗ trợ
22	Xây dựng thao trường bắn, thao trường huấn luyện tại xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hoá	2016-2017	1463; 30/10/2015; 875; 04/8/2017	15,703.70	50.00	9,100.00	4,100.00	UBND huyện Chiêm Hóa	Năm 2016, Vốn hỗ trợ của Bộ Tài chính: 5.000 trđ (phần vốn còn thiếu sử dụng dự phòng NSDP chưa phân bổ 10% khi được phép sử dụng)
23	Xây dựng Hội trường trường Quân sự tỉnh	2016-2017	927 29/6/2016	7,047.44		6,800.00	6,800.00	Trường Quân sự tỉnh	
24	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Tuyên Quang		1184a 24/10/2014	111,705.26	4,000.00			Trường Quân sự tỉnh	Dự án xin vốn hỗ trợ từ NSTW (Vốn Bộ Tài chính hỗ trợ, năm 2016: 11.550 trđ, năm 2017: 6.450 trđ, các năm tiếp theo phân bổ theo số vốn được hỗ trợ)
25	Vốn NSDP, Hỗ trợ xây dựng kho xăng sẵn sàng chiến đấu của BCH Quân sự tỉnh	2016-2017		5,600.00		2,800.00	2,800.00	BCH Quân sự tỉnh	NSDP hỗ trợ 2.800trđ + Ngân sách Bộ Quốc phòng
26	Xây dựng Cơ sở làm việc Đội cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn tại Khu Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Long Bình An	2016-2018	1772 24/12/2015	25,498.16		22,700.00	16,700.00	Công An tỉnh	Vốn NSDP + vốn xã hội hóa + vốn hợp pháp khác
27	Xây dựng Trung tâm ứng dụng tiến bộ và chuyển giao công nghệ tỉnh Tuyên Quang	2016-2020	1771 24/12/2015	45,373.87		33,000.00	33,000.00	Sở Khoa học và Công nghệ	Số vốn còn thiếu sử dụng dự phòng trong cân đối NSDP (phần 10% chưa phân bổ) khi được phép sử dụng)
28	Nâng cấp mở rộng đường vào khu di tích bộ Tài chính tại thôn Trán Kiêng, xã Phú Lương, huyện Sơn Dương	2016-2017	1800 28/12/2015	7,038.00	300.00			Sở Tài chính	Vốn hỗ trợ của Bộ Tài chính (năm 2016: 4.700 trđ, năm 2017: 500 trđ) hằng năm phân bổ theo số vốn được hỗ trợ
29	Trạm Y tế xã Nhữ Hán, huyện Yên Sơn	2016-2018	372 30/3/2016	4,228.33		3,900.00	3,850.00	UBND huyện Yên Sơn	
30	Vốn đối ứng NSDP, Dự án hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa tỉnh	2016	1816 29/12/2015	22,552.16		22,552.00	1,262.00	BV đa khoa Tuyên Quang	Vốn vay (WB) giai đoạn 2016-2020: 21.290 trđ
31	Vốn đối ứng NSDP, Dự án hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện Đa khoa Hàm Yên	2016	1828 30/12/2015	12,831.14		12,831.33	1,218.33	BVĐK Hàm Yên	Vốn vay (WB) giai đoạn 2016-2020: 11.613 trđ
32	Trạm Y tế xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	2016-2017	346 28/3/2016	3,110.59		2,962.58	2,518.00	UBND huyện Hàm Yên	
33	Trạm Y tế xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa	2016-2017	357 30/3/2016	4,215.53		3,900.00	3,900.00	BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
34	Vốn NSDP, Dự án Xây dựng trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS, huyện Lâm Bình	2016-2020	378 30/3/2016	53,211.64	50.00	46,000.00	42,000.00	UBND huyện Lâm Bình	CTMT giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020: 4.000 trđ, vốn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác
35	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Ý La, thành phố Tuyên Quang	2016-2018	122 01/02/2016	22,334.35	300.00	20,900.00	20,900.00	Trường THPT Ý La	
36	Nhà hiệu bộ kết hợp phòng học Đa năng Trường THPT Na Hang	2016-2018	312 19/3/2016	8,426.28	50.00	7,900.00	7,900.00	UBND huyện Na hang	
37	Nhà tập đa năng của Trường THPT Nguyễn Văn Huyền	2016-2017	162 22/02/2016	7,623.27	50.00	7,600.00	7,600.00	Trường THPT Nguyễn Văn Huyền	
38	Nâng cấp hoàn thiện trường tiểu học Kiên Đài, huyện Chiêm Hóa	2016-2017	362 30/3/2016	4,160.38	60.00	3,854.276	3,854.276	BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	
39	Nâng cấp trường tiểu học Hùng Lợi I, huyện Yên Sơn	2016-2017	363 30/3/2016	7,441.06	99.00	7,000.00	7,000.00	BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	
40	Trường Mầm Non, xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa	2016-2017	358 30/3/2016	7,725.45		7,600.00	7,600.00	BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	
41	Trường Tiểu học Vinh Quang I, huyện Chiêm Hóa	2016-2017	360 30/3/2016	4,445.87		4,200.00	4,200.00	BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	
42	Trường Tiểu học Vinh Quang II, huyện Chiêm Hóa	2016-2017	361 30/3/2016	6,294.84		5,800.00	5,800.00	BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	
43	Trường THCS Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa	2016-2017	359 30/3/2016	4,464.47		4,200.00	4,200.00	BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	
44	Trường Mầm Non, xã Côn Lôn, huyện Na Hang	2016-2017	394 30/3/2016	3,986.40		3,700.00	3,700.00	UBND huyện Na hang	
45	Trường Tiểu học và THCS xã Côn Lôn, huyện Na Hang	2016-2017	394 30/3/2016	18,160.00		17,000.00	17,000.00	UBND huyện Na hang	
46	Trường Mầm Non, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	2016-2017	345 28/3/2016	1,189.13		1,050.00	1,050.00	UBND huyện Hàm Yên	
47	Trường Tiểu học, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	2016-2017	344 28/3/2016	6,206.44		6,000.00	6,000.00	UBND huyện Hàm Yên	

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
48	Trường Mầm Non, xã Nhữ Hán, huyện Yên Sơn	2016-2017	371 30/3/2016	3,784.98		3,500.00	3,500.00	UBND huyện Yên Sơn	
49	Hỗ trợ ĐTXD Trường Mầm Non, Tiểu học, THCS xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương	2016-2017		11,262.33		4,200.00	4,200.00	UBND huyện Sơn Dương	Hỗ trợ vốn và Phân cấp cho huyện quản lý, sử dụng
50	Trường Tiểu học, xã Đại phú, huyện Sơn Dương	2016-2017	1334 28/9/2016	24,496.92		8,000.00	6,000.00	UBND huyện Sơn Dương	Vốn ĐT trong cân đối 8 tỷ đồng, phần còn lại sử dụng NS huyện
51	Vốn NSDP, Dự án San nền; Hạ tầng kỹ thuật; Trung tâm học liệu và thông tin thư viện Trường Đại học Tân Trào	2016-2020	397 31/3/2016	80,000.00		64,000.00	37,000.00	Trường Đại học Tân Trào	Vốn CTMT phát triển KTXH các vùng giai đoạn 2016-2020: 27.000 trđ + Vốn NSDP + Vốn hợp pháp khác
52	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường THPT Đầm Hồng, huyện Chiêm Hóa	2016-2017	40 14/01/2016	7,368.42		7,000.00	7,000.00	Sở Giáo dục và Đào tạo	
53	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường THPT Phù Lưu, huyện Hàm Yên	2016-2017	41 14/01/2016	6,611.33		6,400.00	6,400.00	Sở Giáo dục và Đào tạo	
54	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường THPT Sơn Dương, huyện Sơn Dương	2016-2017	42 14/01/2016; 1509, 18/12/2017	6,414.46		6,414.46	6,414.46	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đã phê duyệt quyết toán
55	Vốn đối ứng NSDP - Chương trình mở rộng quy mô VS&NS nông thôn dựa trên kết quả giai đoạn 2016-2020 tỉnh Tuyên Quang	2016-2020	287 31/8/2016	253,373.00		231,685.00	18,700.00		Chi tiết có kế hoạch phân bổ riêng (Vốn ODA giai đoạn 2016-2020: 212.985 trđ), vốn đối ứng NSDP, vốn dân đóng góp
56	Chương trình 134 kéo dài			5,185.054		5,161.566	5,161.566		
(a)	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung			5,185.054		5,161.566	5,161.566		
	- Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Nà Ráo, xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	2016		1,285.054		1,285.054	1,285.054	UBND huyện Lâm Bình	
	- Công trình cấp nước sinh hoạt Bản Thác, xã Yên Hoa, huyện Na Hang	2016		1,300.00		1,300.00	1,300.00	UBND huyện Na hang	
	- Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Lãng Quây, xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa	2016		1,300.00		1,276.512	1,276.512	UBND huyện Chiêm Hóa	

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	- Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung Bản Biền, xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa	2016		1,300.00		1,300.00	1,300.00	UBND huyện Chiêm Hóa	
57	Đường Đồng Luộc - Phúc Hương, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa	2017-2020	1536 29/10/2016	77,297.00		53,231.185	50,231.185	UBND huyện Chiêm Hóa	Vốn ngân sách địa phương của tỉnh, vốn ngân sách huyện, các nguồn vốn hợp pháp khác
58	Xây dựng trụ sở UBND-HĐND huyện Hàm Yên (tại địa điểm mới)	2017-2020	1501 26/10/2016	51,864.16		30,000.00	30,000.00	UBND huyện Hàm Yên	Vốn ngân sách địa phương của tỉnh, vốn ngân sách huyện, các nguồn vốn hợp pháp khác
59	Vốn NSDP, Dự án 02 tuyến đường dọc hai bên bờ sông Lô đoạn qua trung tâm thành phố Tuyên Quang	2017-2020	1560 30/10/2016	436,901.02		210,000.00	30,000.00	UBND - TPTQ	Vốn Phát triển KT-XH các vùng giai đoạn 2016-2020: 180.000 trđ; vốn ngân sách địa phương của tỉnh, Thành phố
60	Hỗ trợ Xây dựng Đường Kỳ Lâm - Thiện Kế - Ninh Lai	2017				3,000.00	3,000.00	UBND huyện Sơn Dương	(Hỗ trợ vốn và Phân cấp cho huyện quản lý, sử dụng)
61	Hỗ trợ xây dựng Kè chống sạt lở bờ suối Khuôn Pén khu vực vườn cây lưu niệm thuộc Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Tân Trào, huyện Sơn Dương	2017				2,000.00	2,000.00	UBND huyện Sơn Dương	(Hỗ trợ vốn và Phân cấp cho huyện quản lý, sử dụng)
62	Trụ sở UBND xã Bình An, huyện Lâm Bình	2017-2020	1443 13/10/2016	6,378.64	50.00	6,100.00	6,100.00	UBND huyện Lâm Bình	
63	Trụ sở UBND xã Thanh Tương, huyện Na Hang	2017-2019	1532 29/10/2016	6,414.67	50.00	6,200.00	6,200.00	UBND huyện Na Hang	
64	Trụ sở UBND xã Bình Phú, huyện Chiêm Hóa	2017-2020	1570a 31/10/2016	7,127.44	50.00	6,900.00	6,900.00	UBND huyện Chiêm Hóa	
65	Trụ sở UBND xã Minh Hương, huyện Hàm Yên	2017-2020	1471 21/10/2016	5,680.04	50.00	5,400.00	5,400.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
66	Trụ sở UBND xã An Tường - TPTQ	2017-2019	1561 31/10/2016	8,303.75		7,500.00	7,500.00	UBND Thành phố Tuyên Quang	
67	Trụ sở UBND xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương	2017-2019	876 04/8/2017	6,204.71	50.00	5,900.00	5,900.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
68	Trụ sở UBND xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	2017-2019	1531 29/10/2016	5,380.34	50.00	4,900.00	4,900.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
69	Trụ sở UBND xã Trung Trực, huyện Yên Sơn	2017-2019	1564a 31/10/2016	5,730.16		5,400.00	5,400.00	UBND huyện Yên Sơn	
70	Trụ sở UBND xã Lâm Xuyên, Sơn Dương	2017-2020	1530a 29/10/2016	5,199.20		5,000.00	5,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
71	Trụ sở UBND xã Phú Lương, huyện Sơn Dương	2017-2020	1433 11/10/2016	5,459.04		50.00	50.00	UBND huyện Sơn Dương	Huyện đã đầu tư từ NS huyện từ Năm 2016
72	Trạm Y tế xã Công Đa, huyện Yên Sơn	2017-2020	1561 30/10/2016	3,996.58		3,700.00	3,700.00	BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	
73	Xây dựng Trạm Y tế xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên	2017-2019	1492 26/10/2016	3,083.56		2,800.00	2,750.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
74	Trường THPT Lâm Bình, huyện Lâm Bình	2017-2020	19 12/01/2016	28,733.18		23,800.00	23,800.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
75	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường THPT Xuân Huy, huyện Yên Sơn	2017-2020	1510 28/10/2016	7,870.23		7,600.00	7,600.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
76	Hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng Đường giao thông từ thôn Nà Vàng đến đường xuống thôn Nà Ráo, xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	2017				2,200.00	2,200.00	UBND huyện Lâm Bình	Hỗ trợ vốn đầu tư, phân cấp vốn đầu tư cho huyện Quản lý, sử dụng
77	Trụ sở UBND xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương	2018-2020			50.00			UBND huyện Sơn Dương	Sử dụng ngân sách cấp huyện
78	Hỗ trợ huyện Yên Sơn xây dựng Trụ sở UBND xã Kim Phú, huyện Yên Sơn	2017-2018				4,000.00	4,000.00	UBND huyện Yên Sơn	Hỗ trợ vốn đầu tư, phân cấp vốn đầu tư cho huyện Quản lý, sử dụng
79	Hỗ trợ huyện Yên Sơn xây dựng Trụ sở UBND xã Trung Môn, huyện Yên Sơn	2017-2018				4,000.00	4,000.00	UBND huyện Yên Sơn	Hỗ trợ vốn đầu tư, phân cấp vốn đầu tư cho huyện Quản lý, sử dụng
80	Hỗ trợ huyện Hàm Yên xây dựng Trụ sở UBND, UBND xã Yên Phú.	2017-2018				2,000.00	2,000.00	UBND huyện Hàm Yên	Hỗ trợ vốn đầu tư, phân cấp vốn đầu tư cho huyện Quản lý, sử dụng

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
81	Dự án đường giao thông trục chính Cụm công nghiệp Thăng Quân (Đoạn qua Cụm công nghiệp chế biến gỗ), huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang			15,000.00		6,000.00	6,000.00	UBND huyện Yên Sơn	Vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác
82	Đầu tư, tôn tạo xây dựng Di tích thành lập Chi bộ Mỏ Than (Chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Tuyên Quang)	2018-2020	1215 23/10/2017	9,383.66		5,000.00	5,000.00	UBND - TPTQ	Vốn NS tỉnh: 5.000 trđ; số vốn còn lại UBND thành phố cân đối
83	Trụ sở UBND thị trấn Na Hang	2018-2020		12,568.69	50.00	10,000.00	10,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Vốn cân đối NS tỉnh, vốn ngân sách cấp huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác
84	Trụ sở UBND xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên	2018-2020	1469 21/10/2016	4,589.58	50.00	4,300.00	4,300.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
85	Trụ sở UBND xã Minh Quang, huyện Chiêm Hóa	2018-2020	1562a 31/10/2016	6,471.52		6,000.00	6,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
86	Trụ sở UBND xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn	2018-2020	1541 29/10/2016	5,687.01		5,300.00	5,300.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
87	Trụ sở UBND xã Thanh Phát, huyện Sơn Dương	2018-2020		5,603.15		5,400.00	5,400.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
88	Hỗ trợ Xây dựng cầu Xi trên tuyến đường Kỳ Lâm - Thiện Kế - Ninh Lai (ĐH.3) huyện Sơn Dương	2018-2020		8,000.00		6,835.45	6,835.45		Hỗ trợ vốn đầu tư, phân cấp vốn đầu tư cho huyện Quản lý, sử dụng
89	Xây dựng cầu cứng và đường từ Quốc lộ 2C vào khu di tích Sở Đức Tiên Bộ Tài Chính tại xã Bình Nhân - Chiêm Hóa - Tuyên Quang	2018-2020		49,997.26				Sở Tài Chính	Dự án xin vốn Bộ Tài chính (NSTW bổ sung qua dự toán Ngân sách tỉnh), hằng năm phân bổ theo số vốn được hỗ trợ
90	Vốn NSDP, Đề án thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020, tỉnh Tuyên Quang	2017-2020						Có kế hoạch chi tiết riêng	Phần vốn NSDP dự kiến: 17.293 triệu đồng (Vốn dự phòng trong cân đối NSDP (phần 10% chưa phân bổ) khi được phép sử dụng)

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5.2	<i>Dự án, dự kiến hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng sau năm 2020</i>			1,844,466.37	825.49	1,138,415.000	183,850.000		
91	Vốn đối ứng NSDP - Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	2016-2022	1738 15/12/2015	251,660.00		119,000.00	19,000.00	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	(Vốn ODA giai đoạn 2016-2020: 100.000 trđ)
92	Vốn NSDP, Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Trung tâm xã Vân Sơn qua các thôn Vộc Dầu, Xóm Mới, nhánh vào thôn Mãn Sơn đi xã Hồng Lạc, xã Sầm Dương đến thôn Phan Lương, xã Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2018-2022	1255 21/10/2017	80,563.19		50,000.00	15,000.00	UBND huyện Sơn Dương	Vốn Phát triển KT-XH các vùng giai đoạn 2016-2020: 35.000 trđ; vốn NSDP của tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác
93	Đường Yên Hoa - Khau Tinh (ĐH.09), huyện Na Hang		140 04/02/2016	59,009.48		20,000.00	20,000.00	Ban di dân, tái định cư thủy điện TQ	Vốn NSTW + Vốn NSDP và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác
94	Xây dựng cầu Tinh Húc vượt sông Lô, thành phố Tuyên Quang (Giai đoạn 2)		471 12/5/2017	852,219.54		800,500.00	500.00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Vốn TPCP giai đoạn 2017-2020: 800 tỷ đồng, NSDP và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác
95	Đường nội bộ từ trụ sở Tỉnh ủy đến Nhà khách Kim Bình, bãi đỗ xe, kè bảo vệ chống sạt lở và cải tạo sân, vườn khu vực Tỉnh ủy;	2019-2021		16,025.00		5,000.000	5,000.000	VP - Tỉnh ủy	
96	Vốn đối ứng NSDP, Dự án Bệnh viện đa khoa khu vực Kim xuyên, huyện Sơn Dương					4,000.00	4,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Sử dụng vốn ODA của nước Cộng hòa Hungrari
97	Xây dựng Nhà làm việc và Trung tâm kỹ thuật và Nhà STUDIO - Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang					500.00	500.00	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang	Vốn dự phòng trong cân đối NSDP (phần 10% chưa phân bổ) khi được phép sử dụng
98	Vốn NSDP, Đường vào Khu di tích lịch sử Quốc gia cách mạng Lào tại thôn Đá Bàn, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn.					300.00	300.00	BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	Dự án xin vốn TW (sự kiến sử dụng 10% dự phòng chưa phân bổ) khi được phép sử dụng
99	Đường Tam Đa - Lâm Xuyên (ĐH.01), huyện Sơn Dương	2019-2021		6,234.00		2,000.00	2,000.00	UBND huyện Sơn Dương	
100	Đường Tuân Lộ - Thanh Phát (ĐH.08), huyện Sơn Dương	2019-2021		7,135.00		3,000.00	3,000.00	UBND huyện Sơn Dương	
101	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường THPT Xuân Vân, huyện Yên Sơn	2019-2021		10,000.89		3,000.00	3,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
102	Công trình thủy lợi Đồng Trại, thôn Phú Nhiêu, xã Phú Lương, huyện Sơn Dương	2019-2021	1438 12/10/2016	19,683.83		4,600.00	4,600.00	UBND huyện Sơn Dương	
103	Vốn NSDP, Dự án đầu tư di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, đặc biệt khó khăn thôn Khâu Tinh, Tát Kê xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	2018-2022	1528 28/10/2016	88,000.00		8,000.00	6,000.00	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Vốn NSTW giai đoạn 2016-2020: 2.000 trđ, Vốn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác
104	Vốn NSDP, Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ ống, quỹ quét, sạt lở đất và vùng rừng phòng hộ đầu nguồn tại thôn Ngòi cái, xã Tiên Bộ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2018-2022	1529 28/10/2016	83,547.00		8,000.00	6,000.00	UBND huyện Yên Sơn	Vốn NSTW giai đoạn 2016-2020: 2.000 trđ, Vốn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác
105	Vốn NSDP, Dự án Đường Kiên Đài -Khuôn Miêng, huyện Chiêm Hóa (Đoạn từ Trụ sở UBND xã Kiên Đài đến đầu cầu Khuôn Miêng - thôn Nà Pó)	2018-2022	1426 10/10/2016	81,079.09		45,000.000	39,300.000	BQL Dự án vùng căn cứ Cách mạng - TQ	Vốn CTMT hỗ trợ QPAN trên địa bàn trọng điểm giai đoạn 2016-2020: 5.700 trđ, vốn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác
106	Đường Xã Phúc Ninh - xã Chiêu Yên (ĐH.09), huyện Yên Sơn	2019-2021		41,510.70		5,000.00	5,000.00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
107	Trạm bơm Khậy Phát, huyện Yên Sơn	2019-2021		17,500.00	323.00	2,000.00	2,000.00	BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	
108	Trạm bơm Vĩnh Tường, huyện Chiêm Hóa	2019-2021		16,800.00	372.49	2,000.00	2,000.00	BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	
109	Trụ sở UBND xã Tân An, huyện Chiêm Hóa	2019-2021		5,336.00		1,500.00	1,500.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
110	Trụ sở UBND xã Kiên Đài, huyện Chiêm Hóa	2019-2021	1564a 31/10/2016	5,766.34	30.00	2,500.00	2,500.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
111	Trụ sở UBND xã Nhân Lý, huyện Chiêm Hóa	2019-2021	1567a 31/10/2016	6,343.55	50.00	2,000.00	2,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
112	Trụ sở UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên	2019-2021	1470 21/10/2016	4,981.66		2,000.00	2,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
113	Trụ sở UBND thị trấn Tân Bình, huyện Yên Sơn	2019-2021		6,500.00	50.00	2,000.00	2,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
114	Trụ sở UBND xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên	2019-2021	1497 26/10/2016	5,488.58		2,000.00	2,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
115	Trạm y tế phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang	2019-2021	117 05/01/2015	3,723.68		1,500.00	1,500.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
116	Xây dựng Trạm Y tế xã Thành Long, huyện Hàm Yên	2019-2021	1496 26/10/2016	2,587.85		2,300.00	1,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
117	Xây dựng Trạm Y tế xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn	2019-2021		3,890.00		3,500.00	2,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
118	Xây dựng Trạm Y tế xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	2019-2021		4,020.00		1,500.00	1,450.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
119	Trạm Y tế xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn	2019-2021		3,149.00		1,200.00	1,200.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
120	Trường THCS Phú Thịnh, huyện Yên Sơn	2019-2021		4,500.00		2,000.00	2,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
121	Trường THCS Công Đa, huyện Yên Sơn	2019-2021		4,500.00		2,000.00	2,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
122	Trường Tiểu học Kim Quan, huyện Yên Sơn	2019-2021		4,500.00		2,000.00	2,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
123	Trường Tiểu học Hùng Lợi II, huyện Yên Sơn	2019-2021		4,598.00		2,000.00	2,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
124	Trường Tiểu học Trung Sơn, huyện Yên Sơn	2019-2021		4,000.00		2,000.00	2,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
125	Trạm Y tế xã Phú Thịnh, huyện Yên Sơn	2019-2021		3,246.00		1,500.00	1,500.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
126	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường THPT Thượng Lâm, huyện Lâm Bình	2019-2021		7,127.00		3,000.00	3,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
127	Trường Tiểu học Xuân Quang, huyện Chiêm Hóa	2019-2021		4,992.00		2,000.00	2,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
128	Trường Tiểu học Lương Thiện, huyện Sơn Dương	2019-2021		4,993.00		2,000.00	2,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
129	Trường Tiểu học (19-8) Minh Thanh, huyện Sơn Dương	2019-2021		4,279.00		2,000.00	2,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
130	Trường Tiểu học Bình Yên, huyện Sơn Dương	2019-2021		5,268.00		2,500.00	2,500.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
131	Trường Tiểu học Hợp Thành, huyện Sơn Dương	2019-2021		4,500.00		2,000.00	2,000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
132	Vốn đối ứng NSDP, Dự án tăng cường quản lý đất đai và CSDL quản lý đất đai (Vốn vay WB)	2017-2022		105,209.00		9,515.000	2,500.000	Sở Tài Nguyên và Môi trường	Vốn vay WB (Vốn ODA giai đoạn 2016-2020: 7.015 triệu đồng)
133	Vốn đối ứng NSDP, Dự án phát triển kinh doanh nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu (Vốn vay ODA)							Ban điều phối Dự án hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn tỉnh	Vốn IFAX; Vốn dự phòng trong cân đối NSDP (phần 10% chưa phân bổ) khi được phép sử dụng
134	Vốn đối ứng NSDP, Chương trình phát triển khu vực nông thôn tỉnh Tuyên Quang (Vốn viện trợ không hoàn lại)							Ban điều phối Dự án hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn tỉnh	Vốn KOICA; Vốn dự phòng trong cân đối NSDP (phần 10% chưa phân bổ) khi được phép sử dụng
6)	Vốn các công trình chuẩn bị đầu tư dự kiến thực hiện sau năm 2020					2,000.00	2,000.00		

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
7)	Hỗ trợ đầu tư các công trình thuộc các xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Thanh toán số vốn còn thiếu của các công trình hằng năm được phê duyệt quyết toán, công trình hoàn thành vượt tiến độ thuộc Kế hoạch đầu tư và xây dựng của tỉnh, các công trình cấp thiết theo sự chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh					40,000.00	40,000.00		(Được phân bổ chi tiết hằng năm)
8)	Các công trình, dự án đã có trong danh mục Chưa triển khai làm thủ tục đầu tư (đến ngày 31/3/2017 chưa được PD chủ trương đầu tư)								
1	Trụ sở UBND phường ý la - TPTQ							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
2	Trụ sở UBND phường Tân Quang, TPTQ							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
3	Trụ sở UBND phường Minh Xuân - TPTQ							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
4	Trụ sở UBND xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
5	Trụ sở UBND xã Thái Long - TPTQ							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
6	Trường Tiểu học Trung Yên, huyện Sơn Dương							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
7	Dự án tăng cường tiềm lực cho Trung tâm ứng dụng tiến bộ và chuyển giao công nghệ tỉnh Tuyên Quang							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
III	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT			159,127.48	47,159.42	83,919.56	65,070.00		

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2011-2015			72,498.40	46,959.42	18,754.56	2,555.00		
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2011-2015			4,342.56	3,250.00	1,093.00			
1	Trạm Y tế xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương	2014-2015	1150 16/9/2015	4,342.56	3,250.00	1,093.00		BQL Dự án vùng CCCM-TQ	Đã phê duyệt quyết toán
b)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020			68,155.84	43,709.42	17,661.56	2,555.00		
	- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020			68,155.84	43,709.42	17,661.56	2,555.00		
1	Nhà lớp học Trường Cao đẳng Tuyên Quang (Đại học Tân Trào)	2012-2014	1648 13/12/2012 23 10/10/2014	12,046.90	11,255.99	387.652		Trường ĐH Tân Trào	Đã phê duyệt quyết toán
2	Xây dựng Ký túc xá Sinh viên trường Đại học Tân Trào.	2013-2014	1645 27/11/2015	16,017.16	11,700.00	3,316.999		Trường ĐH Tân Trào	Đã phê duyệt quyết toán
3	Xây dựng Trạm Y tế trường Đại học Tân Trào.	2015-2016	1611 09/11/2016	2,752.35	1,100.00	1,652.349		Trường ĐH Tân Trào	Đã phê duyệt quyết toán
4	Xây dựng Trụ sở làm việc Trung tâm y tế huyện Sơn Dương	2015-2016	1511 28/11/2012	7,871.31	2,700.00	4,300.00	1,200.00	UBND huyện Sơn Dương	
5	Xây dựng trạm Y tế xã Thượng Nông, huyện Na Hang	2015-2016	1189 24/10/2014	6,404.96		4,155.00	1,155.00	UBND huyện Na Hang	
6	Xây dựng trạm Y tế xã Tân Bình, huyện Yên Sơn	2015-2016		4,474.73	1,953.43	2,200.00	200.00	UBND huyện Yên Sơn	
7	Xây dựng trạm Y tế xã Khau Tinh, huyện Na Hang	2016-2018	311 19/3/2016	5,411.76	4,500.00	50.00		UBND huyện Na Hang	Năm 2015: 4.500 trđ vốn EU tài trợ
8	Xây dựng trạm Y tế xã Hồng Thái, huyện Na Hang	2015-2016	1294 06/10/2015	4,225.55	3,500.00			Sở Y tế	Năm 2015: 3.500 trđ vốn EU tài trợ
9	Xây dựng trạm Y tế xã Hoà Phú, huyện Chiêm Hoá	2015-2016	1849 31/12/2016	4,647.15	3,500.00	945.315		Sở Y tế	Năm 2015: 3.500 trđ vốn EU tài trợ (Đã PDQT)

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	Xây dựng Trạm Y tế xã Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương	2015-2016	1848 31/12/2016	4,303.97	3,500.00	654.242		Sở Y tế	Năm 2015: 3.500 trđ vốn EU tài trợ (Đã PDQT)
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020			86,629.08	200.00	65,165.00	62,515.00		
	<i>Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020</i>			86,629.08	200.00	65,165.00	62,515.00		
1	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	2016-2017	1817 29/12/2015	2,243.01		2,200.00	200.00	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	
2	Xây dựng, cải tạo Trung tâm thực hành, thực nghiệm trường Đại học Tân Trào	2017-2020	282 30/3/2015	12,500.00	200.00	10,645.00	10,645.00	Trường ĐH Tân Trào	
3	Trạm Y tế xã Đại Phú, huyện Sơn Dương	2017-2020		4,370.00		3,000.00	3,000.00	UBND huyện Sơn Dương	Hỗ trợ vốn đầu tư (phân cấp vốn đầu tư cho huyện Quản lý)
4	Xây dựng trạm Y tế xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình	2017-2019	1566 31/10/2016	4,367.54		3,900.00	3,850.00	UBND huyện Lâm Bình	
5	Xây dựng Trạm Y tế xã Thượng Giáp, huyện Na Hang	2017-2019	104 15/02/2017	4,945.28		4,500.00	4,450.00	UBND huyện Na Hang	
6	Xây dựng trạm Y tế xã Hà Lang, huyện Chiêm Hóa	2017-2019	1563a 31/10/2016	3,824.37		3,500.00	3,450.00	UBND huyện Chiêm Hóa	
7	Xây dựng Trạm Y tế xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên	2017-2020	1495 26/10/2016	2,534.60		2,300.00	2,250.00	UBND huyện Hàm yên	
8	Xây dựng Trạm Y tế xã Quý Quân, huyện Yên Sơn	2017-2020	480 15/5/2017	3,500.12		3,200.00	3,150.00	UBND huyện Yên Sơn	
9	Xây dựng trạm Y tế xã Minh Dân, huyện Hàm yên	2018-2020	1697 31/12/2014	2,618.58		2,400.00	2,400.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
10	Xây dựng trạm Y tế xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa	2018-2020	1569 31/10/2016	3,434.52		3,100.00	3,100.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	Xây dựng Trạm Y tế xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên	2018-2020	1493 26/10/2016	3,740.84		3,400.00	3,350.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
12	Xây dựng Trạm Y tế xã Trung Yên, huyện Sơn Dương	2018-2020		3,433.69		3,100.00	3,100.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
13	Xây dựng trạm Y tế xã Phú Lâm, huyện Yên Sơn	2018-2020		3,591.32		3,300.00	3,300.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
14	Xây dựng Trạm Y tế xã Kiến Thiết, huyện Yên Sơn	2019-2020	103 15/02/2017	3,433.69		50.00		BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Sử dụng vốn EU tài trợ
15	Xây dựng trạm Y tế xã Sinh Long, huyện Na Hang	2019-2020		4,309.00		3,900.00	3,850.00	UBND huyện Na Hang	Theo Văn bản số 1515/UBND - QHĐTXD ngày 20/5/2017 của UBND tỉnh
16	Xây dựng trạm Y tế xã Yên Hoa, huyện Na Hang	2019-2020		4,987.14		50.00		BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Sử dụng vốn EU tài trợ
17	Xây dựng trạm Y tế xã Nhân Lý, huyện Chiêm Hóa	2019-2020	1568a 31/10/2016	4,864.74		50.00		BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Sử dụng vốn EU tài trợ
18	Xây dựng trạm Y tế xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa	2019-2020		3,958.05		3,600.00	3,550.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
19	Xây dựng trạm Y tế xã Trung Hòa, huyện Chiêm Hóa	2019-2020		4,100.84		3,700.00	3,650.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
20	Xây dựng Trạm Y tế xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên	2019-2020	1494 26/10/2016	2,478.24		2,220.00	2,170.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
21	Xây dựng trạm Y tế xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	2019-2020	1338 29/9/2016	3,393.52		3,050.00	3,050.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3)	Các công trình, dự án đã có trong danh mục Chưa triển khai làm thủ tục đầu tư (đến ngày 31/3/2017 chưa được PD chủ trương đầu tư)								
1	Trạm y tế xã An Tường, thành phố Tuyên Quang							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Chưa triển khai làm thủ tục đầu tư
2	Xây dựng Trạm Y tế xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Chưa được PD chủ trương đầu tư
3	Xây dựng Trạm Y tế xã Chi Thiết, huyện Sơn Dương							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Chưa được PD chủ trương đầu tư
4	Xây dựng Trạm Y tế xã Thanh Phát, huyện Sơn Dương							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Chưa được PD chủ trương đầu tư
5	Xây dựng Trạm Y tế xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Chưa được PD chủ trương đầu tư
6	Xây dựng Trạm Y tế xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Chưa được PD chủ trương đầu tư
7	Xây dựng Trạm Y tế xã Kháng Nhật, huyện Sơn Dương							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Chưa được PD chủ trương đầu tư
IV	Dự phòng chưa phân bổ (10%)						282,007.00	282,007.00	

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG KẾ HOẠCH NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	KẾ HOẠCH 2018 (THEO NGUỒN VỐN)				CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:				
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
TỔNG VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2018									642.700.00	517.100.00	105.600.00	20.000.00		
I	VỐN PC CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ QUẢN LÝ								152.740.00	46.140.00	105.600.00	1.000.00		
I.1	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất								105.600.00		105.600.00			Đã trừ trích quỹ phát triển đất 30% và 10% Chi cho công tác đo đạc, lập CSDL hồ sơ địa chính và cấp GCNQSDĐ;
1	Huyện Lâm Bình								1.440.00		1.440.00			
2	Huyện Na Hang								1.440.00		1.440.00			
3	Huyện Chiêm Hoá								3.000.00		3.000.00			
4	Huyện Hàm Yên								3.000.00		3.000.00			
5	Huyện Yên Sơn								3.720.00		3.720.00			
6	Huyện Sơn Dương								12.000.00		12.000.00			
7	Thành phố Tuyên Quang								81.000.00		81.000.00			
I.2	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (NSDP)								35.440.00	35.440.00				Các huyện, thành phố phân bổ ưu tiên các công trình thuộc các xã xây dựng nông thôn mới năm 2018
1	Huyện Na Hang								4.399.00	4.399.00				
2	Huyện Lâm Bình								4.715.00	4.715.00				
3	Huyện Chiêm Hoá								5.990.00	5.990.00				
4	Huyện Hàm Yên								4.093.00	4.093.00				
5	Huyện Yên Sơn								5.695.00	5.695.00				
6	Huyện Sơn Dương								5.953.00	5.953.00				
7	Thành phố Tuyên Quang								4.595.00	4.595.00				
I.3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng một số công trình, dự án cấp bách; công trình thuộc các xã xây dựng NTM								5.257.95	11.700.00	10.700.00	1.000.00		
	- Hỗ trợ XD Trạm Y tế xã Đại Phú								2.000.00	1.000.00		1.000.00	UBND huyện Sơn Dương	
	- Hỗ trợ vốn đầu tư XDCT: Đường giao thông từ thôn Nà Vàng đến đường xuống thôn Nà Ráo, xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình								1.000.00	1.200.00	1.200.00		UBND huyện Lâm Bình	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXDCB# +ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	KẾ HOẠCH 2018 (THEO NGUỒN VỐN)			CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:				
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất			Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	- Hỗ trợ vốn đầu tư XDCT: Trụ sở Trụ sở HĐND, UBND xã Yên Phú.							557.95	1.000.00	1.000.00			UBND huyện Hàm Yên	
	- Hỗ trợ vốn đầu tư XDCT: Trụ sở UBND xã Kim phú, huyện Yên Sơn							1.700.00	1.300.00	1.300.00			UBND huyện Yên Sơn	
	- Hỗ trợ vốn đầu tư XDCT: Trụ sở UBND xã Trung Môn, huyện Yên Sơn							1.800.00	1.200.00	1.200.00			UBND huyện Yên Sơn	
	- Xây dựng cầu Xi trên tuyến đường Kỳ Lâm - Thiện Kế - Ninh Lai (ĐH.3) huyện Sơn Dương								6.000.00	6.000.00			UBND huyện Sơn Dương	
II	HỖ TRỢ ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC 03 ĐỀ ÁN (THỰC HIỆN NQ SỐ 03/2016/NQ-HĐND NGÀY 13/7/2016)								90.000.00	90.000.00				Có kế hoạch phân bổ riêng
III	HỖ TRỢ ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC CÁC XÃ HOÀN THÀNH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018								7.000.00	7.000.00				Có kế hoạch phân bổ riêng
IV	CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, BÀN GIAO, ĐƯA VÀO SỬ DỤNG ĐẾN NGÀY 31/12/2017 CÒN THIẾU VỐN			1.942.515.90	1.667.460.54	1.605.476.21	942.303.47	1.435.455.17	90.146.820	90.146.820				61 Công trình
IV.1	CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN NSNN			1.676.779.94	1.448.714.63	1.388.735.85	774.924.83	1.223.216.44	88.056.953	88.056.953				57 Công trình
1	Cải tạo, nâng cấp đường Lê Đại Hành (từ ngã ba Bình Thuận đến nút giao giữa QL37 với QL2 đoạn tránh thị xã Tuyên Quang)	2009-2012	L=1,3km	43.663.68	42.660.00	41.687.00	41.588.00	41.637.40	400.66	400.66			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
2	Sửa chữa nền, nâng cấp mặt đường và chỉnh trang các công trình trên tuyến đường Chiến thắng sông Lô (từ ngã ba khách sạn Lô Giang đến cầu Chả cũ)	2015-2016		8.029.32	8.029.32	7.912.00	7.572.00	6.500.00	1.071.63	1.071.63			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
3	Sửa chữa nền, nâng cấp mặt đường và chỉnh trang các công trình trên tuyến đường Đinh Tiên Hoàng - Nguyễn Văn Linh - Hà Huy Tập (Tuyến đường vòng quang khu vực Đài tưởng niệm tỉnh Tuyên Quang)	2015-2016		14.927.72	14.927.72	14.807.00	14.181.00	12.500.00	1.681.21	1.681.21			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
4	Sửa chữa nền, nâng cấp mặt đường và chỉnh trang các công trình trên tuyến đường 17/8, đoạn từ rạp Tháng 8 đến trung tâm Hội nghị tỉnh và đường Nguyễn Thị Minh Khai, đoạn từ đường 17/8 đến nhà khách Kim Bình.	2015-2016		8.600.23	8.600.23	8.517.00	7.619.00	6.500.00	1.118.86	1.118.86			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
5	Sửa chữa nền, nâng cấp mặt đường và chỉnh trang các công trình trên tuyến đường Bình Thuận, đoạn từ công thành nhà Mạc đến nút giao vòng xuyên với đường Lý Thái Tổ, qua Cục thuế mới đến đường Chiến Thắng sông Lô.	2015-2016		14.778.27	14.778.27	14.613.00	14.008.00	13.007.00	1.000.52	1.000.52			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
6	Công trình Sửa chữa nền, nâng cấp mặt đường và chỉnh trang các công trình trên tuyến đường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	2015-2016		2.155.64	2.155.64	1.940.08	1.717.00	1.600.00	117.00	117.00			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
7	Dự án ĐTXD Trường PTDT nội trú THCS huyện Yên Sơn	2011-2013		39.813.10	39.813.10	39.813.10	39.543.46	36.776.00	2.766.988	2.766.988			Sở Giáo dục và Đào tạo	
8	Trụ sở UBND xã Trung Minh, huyện Yên Sơn	2014-2015		6.962.11	6.962.11	6.834.26	6.834.26	6.594.06	240.20	240.20			UBND huyện Yên Sơn	
9	Dự án Kè bờ suối Nặm Chang bảo vệ khu trung tâm hành chính huyện Lâm Bình (NSĐP năm 2018 bố trí vốn quyết toán còn thiếu giai đoạn I và khối lượng hoàn thành giai đoạn 2)	2015-2016		35.425.77	35.425.77	33.458.79	13.495.75	15.300.00	11.232.785	11.232.785			UBND huyện Lâm Bình	
10	Dự án Sửa chữa, nâng cấp công trình Hồ chứa nước Tân Dân, xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Năm 2018, NSĐP hỗ trợ bố trí vốn quyết toán còn thiếu giai đoạn 1)	2016-2017		32.009.91	32.009.91	31.749.46	31.749.46	20.000.00	4.400.000	4.400.000			BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXDCB# +ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	KẾ HOẠCH 2018 (THEO NGUỒN VỐN)				CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:				
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
11	Dự án Kè bảo vệ chống sạt lở hai bờ sông Phó Đáy, khu vực DTLS ATK tại các xã Trung Yên, Minh Thanh, Tân Trào, huyện Sơn Dương (Năm 2018, NSDP bố trí vốn quyết toán giai đoạn 1)	2012-2013		47.215.68	47.215.68	41.290.56	41.290.56	37.463.00	2.827.559	2.827.559			UBND huyện Sơn Dương	
12	Dự án Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hồ Khôn, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên (NSDP năm 2018 bố trí vốn còn thiếu sau quyết toán giai đoạn 1)	2013-2015		14.923.87	14.923.87	12.557.55	12.557.55	10.000.00	2.557.545	2.557.545			UBND huyện Hàm Yên	
13	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Đèo Hoa, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn (NSDP năm 2018 bố trí vốn còn thiếu sau quyết toán giai đoạn 1)	2013-2015		12.413.09	12.413.09	12.300.00	12.055.54	12.000.00	55.540	55.540			Sở NN&PTNT	
14	Trụ sở UBND xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình	2014-2015		7.218.05	7.218.05	7.214.14	6.766.11	6.625.88	140.292	140.292			UBND huyện Lâm Bình	
15	Xây dựng các hạng còn lại của Bệnh viện ĐK huyện Sơn Dương (vốn năm 2018, bố trí số vốn còn thiếu sau quyết toán)	2008-2012		26.693.59	26.693.59	26.693.59	25.385.58	25.019.27	366.307	366.307			BVĐK huyện Sơn Dương	Vốn TPCP
16	Dự án Cầu Kim Xuyên, huyện Sơn Dương (năm 2018 bố trí vốn còn thiếu sau quyết toán dự án hoàn thành giai đoạn 1),	2010-2013	L=638,6m; HL93	296.771.00	296.771.00	296.100.00	296.739.74	296.100.00	636.736	636.736			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Vốn TPCP
17	Trụ sở xã Khuôn Hà- Lâm Bình	2013-2014		6.029.56	6.029.56	5.820.53	5.820.53	5.433.99	386.536	386.536			UBND huyện Lâm Bình	
18	Phục hồi, bảo tồn và tôn tạo khu di tích lịch sử của Chính phủ tại thôn Lập Bình xã Bình Yên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Năm 2018, NSDP bố trí vốn còn thiếu sau quyết toán)	2008-2013		15.292.03	9.311.40	9.293.40	7.127.90	7.105.10	22.800	22.800			Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch	
19	Cải tạo, nâng cấp Nhà làm việc và các HMPT của huyện uỷ - Na Hang	2014-2015		26.095.52	26.082.47	26.082.47	25.132.31	24.892.16	204.150	204.150			VP huyện uỷ Na Hang	
20	Nâng cấp hoàn thiện trường tiểu học Kiên Đài, huyện Chiêm Hóa	2016-2017		4.160.38	4.160.38	3.853.42	3.914.28	3.660.00	254.28	254.276			BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	
21	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường THPT Sơn Dương	2016-2017		7.135.24	7.135.24	6.414.46	6.414.46	6.288.65	125.811	125.811			Sở Giáo dục và Đào tạo	
22	Trường Mần Non, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	2016-2017		1.189.13	1.189.13	1.132.51	1.098.33	1.000.00	98.328	98.328			UBND huyện Hàm Yên	
23	Trụ sở UBND xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình	2016-2017		6.339.45	6.339.45	6.037.57	6.020.39	4.050.00	1.970.39	1.970.39			UBND huyện Lâm Bình	
24	Trụ sở UBND xã Đông Lợi , huyện Sơn Dương	2015-2016		7.369.94	7.369.94	7.036.85		6.400.00	300.00	300.00			UBND huyện Sơn Dương	
25	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 03 tầng và các hạng mục phụ trợ của UBND tỉnh	2015-2016		14.169.00	14.169.00	13.879.00		12.505.30	600.00	600.00			Văn phòng UBND tỉnh	
26	Đường Nà Héc - Tân Mỹ (ĐH.07), huyện Chiêm Hoá	2016-2017		8.292.34	8.292.34	8.103.00		7.400.00	300.00	300.00			UBND huyện Chiêm Hóa	
27	Hạng mục Nhà thi đấu Đa năng thuộc Dự án ĐTXD công trình Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang (vốn NSDP năm 2018 bố trí thanh toán khối lượng hoàn thành)	2015-2016		7.983.70	7.983.70	7.751.16		7.000.00	300.00	300.00			Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ TQ	
28	Đường giao thông phân khu Du lịch Lâm viên Phiêng Bung, thuộc khu Du lịch sinh thái Na Hang, huyện Na Hang	2015-2016		17.335.16	17.335.16	17.335.16		13.599.00	2.300.00	2.300.00			UBND huyện Na Hang	
29	Đường Đồng Quý - Vân Sơn (ĐH.21 và ĐH.04), huyện Sơn Dương	2015-2017	L=6,4km	33.508.06	29.356.00	27.755.00		22.000.00	5.000.00	5.000.00			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXDCB# +ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	KẾ HOẠCH 2018 (THEO NGUỒN VỐN)				CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:				
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
30	Đường Yên Hoa - Sinh Long (ĐH.02), huyện Na Hang	2015-2017	L=9km	47.652.09	35.468.00	34.145.00		22.000.00	6.500.00	6.500.00			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
31	Cải tạo, nâng cấp đường Thổ Bình - Thượng Lâm (ĐT.188), huyện Lâm Bình (Đoạn từ Km0 đến Km8+831,37)	2014-2017		207.957.00	143.177.00	122.650.88		110.400.00	5.000.00	5.000.00			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
32	Dự án đầu tư xây dựng (giai đoạn 1) Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang			24.940.28	24.940.28	24.720.00		21.286.05	2.000.00	2.000.00			BQL Khu du lịch - SK Mỹ Lâm	
33	Trường Mần Non, xã Côn Lôn, huyện Na Hang	2016-2017		3.986.40	3.986.40	3.796.57		3.200.00	400.00	400.00			UBND huyện Na Hang	Xã xây dựng nông thôn mới
34	Trường Tiểu học Vinh Quang I, huyện Chiêm Hóa	2016-2017		4.445.87	4.445.87	4.249.69		3.800.76	200.00	200.00			BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	Xã xây dựng nông thôn mới
35	Trường THCS Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa	2016-2017		4.464.47	4.464.47	4.264.73		3.000.00	1.100.00	1.100.00			BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	Xã xây dựng nông thôn mới
36	Nâng cấp trường tiểu học Hùng Lợi I, huyện Yên Sơn	2016-2017		7.441.06	7.441.06	7.093.90		6.499.00	300.00	300.00			BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	
37	Trường Tiểu học Vinh Quang II, huyện Chiêm Hóa	2016-2017		6.294.84	6.294.84	5.819.41		5.351.45	400.000	400.000			BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	Xã xây dựng nông thôn mới
38	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường THPT Đàm Hồng	2016-2017		7.368.42	7.368.42	6.631.50		6.000.00	600.00	600.00			Sở Giáo dục và Đào tạo	
39	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường THPT Phù Lưu	2016-2017		6.611.33	6.611.33	5.982.10		5.000.00	800.00	800.00			Sở Giáo dục và Đào tạo	
40	Trường Tiểu học, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	2016-2017		6.206.44	6.206.44	5.967.73		4.500.00	1.000.00	1.000.00			UBND huyện Hàm Yên	Xã xây dựng nông thôn mới
41	Trường Mần Non, xã Nhữ Hán, huyện Yên Sơn	2016-2017		3.784.98	3.784.98	3.608.17		3.200.00	300.00	300.00			UBND huyện Yên Sơn	Xã xây dựng nông thôn mới
42	Bệnh viện đa khoa huyện Chiêm Hoá	2010-2015	100 giường	79.172.30	79.172.30	78.231.65	59.785.96	67.038.00	8.500.00	8.500.00			Sở Y tế	
43	Trạm Y tế xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa	2016-2017		4.215.53	4.215.53	3.960.26		3.300.00	400.00	400.00			BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	Xã xây dựng nông thôn mới
44	Trạm Y tế xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	2016-2017		3.110.59	3.110.59	2.962.46		2.374.16	400.00	400.00			UBND huyện Hàm Yên	Xã xây dựng nông thôn mới
45	Trạm Y tế xã Nhữ Hán, huyện Yên Sơn	2016-2017		4.228.33	4.228.33	3.843.94		3.669.16	200.00	200.00			UBND huyện Yên Sơn	Xã xây dựng nông thôn mới
46	Trụ sở UBND xã Khau Tinh, huyện Na Hang	2016-2017		6.614.39	6.614.39	6.053.99		4.250.00	1.100.00	1.100.00			UBND huyện Na Hang	
47	Trụ sở UBND xã Hà Lang, huyện Chiêm Hóa	2016-2017		6.009.01	6.009.01	5.709.01		4.442.19	1.000.00	1.000.00			UBND huyện Chiêm Hóa	
48	Trụ sở UBND xã Minh Khương, huyện Hàm Yên	2016-2017		5.883.05	5.883.05	5.348.22		4.250.00	1.000.00	1.000.00			UBND huyện Hàm Yên	
49	Trụ sở UBND xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	2016-2017		6.154.14	6.154.14	5.266.14		4.100.00	1.000.00	1.000.00			UBND huyện Hàm Yên	Xã xây dựng nông thôn mới
50	Trụ sở UBND xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn	2016-2017		5.739.85	5.739.85	5.239.58		4.150.00	1.000.00	1.000.00			UBND huyện Yên Sơn	Xã xây dựng nông thôn mới
51	Trụ sở UBND xã Tuấn Lộ, huyện Sơn Dương	2016-2017		6.118.70	6.118.70	5.827.33		4.650.00	900.00	900.00			UBND huyện Sơn Dương	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXDCB# +ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	KẾ HOẠCH 2018 (THEO NGUỒN VỐN)			CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:				
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất			Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
52	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc của Thanh tra tỉnh	2016-2017		10.612.10	10.612.10	9.647.37		8.431.00	1.000.00	1.000.00			Thanh tra tỉnh	
53	Xây dựng Hội trường trường Quân sự tỉnh	2016-2017		7.047.44	7.047.44	6.841.71		5.500.00	900.00	900.00			Trường Quân sự tỉnh	
54	Xây dựng Cơ sở làm việc Đội cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn tại Khu Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Long Bình An	2016-2017		25.498.16	25.498.16	23.939.68		13.322.68	9.000.00	9.000.00			Công An tỉnh	Vốn NSDP và vốn do chủ đầu tư huy động
55	Xây dựng Trụ sở làm việc Sở Tài chính (tại địa điểm mới)	2015-2017		139.825.67	139.825.67	136.133.67		115.525.00					Sở Tài chính	Dự án xin vốn Bộ Tài chính
56	Phục hồi, bảo tồn, tôn tạo các Di tích Lịch sử cách mạng và kháng chiến (ATK) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Năm 2018, NSDP bố trí vốn còn thiếu sau quyết toán)			30.197.00	27.291.10	26.915.10	23.854.20	23.273.60	580.83	580.83			Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch	
	- Công trình phục hồi bảo tồn, tôn tạo DTLS Đại hội II, Kim Bình, huyện Chiêm Hóa	2007-2009			7.270.70	7.030.70	6.869.00	6.775.20	93.80	93.80				
	- Công trình phục hồi bảo tồn, tôn tạo DTLS cách mạng và kháng chiến (ATK) giai đoạn 1	2008-2012			7.081.70	7.096.70	5.851.20	5.394.80	456.47	456.47				
	- Công trình phục hồi bảo tồn, tôn tạo DTLS cách mạng và kháng chiến (ATK) giai đoạn 2	2010-2011			5.718.90	5.635.90	5.170.60	5.167.90	2.79	2.79				
	- Công trình phục hồi bảo tồn, tôn tạo DTLS cách mạng và kháng chiến (ATK) các hạng mục còn lại	2010-2012			7.219.80	7.151.80	5.963.40	5.935.70	27.77	27.77				
57	Xây dựng trung tâm chính trị - hành chính của huyện Lâm Bình	2013-2017		238.700.00	101.654.10	95.904.01	62.653.47	91.746.60					UBND huyện Lâm Bình	CTMT phát triển KT-XH vùng, vốn NSDP và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác
	- Hội trường đa năng			29.167.45	29.167.45	29.150.82	29.019.60	29.444.78						
	- Nhà làm việc của HĐND và UBND huyện			37.244.91	36.691.84	32.888.96		28.667.95						
	- Nhà làm việc Huyện uỷ;...			35.892.06	35.794.81	33.864.23	33.633.87	33.633.87						
IV.2	Dự án sử dụng vốn ODA			265.735.97	218.745.91	216.740.36	167.378.64	212.238.73	2.089.867	2.089.867				04 Công trình
1	Vốn đối ứng NSDP, Dự án phát triển giáo dục THPT (giai đoạn 2); vốn ADB			19.137.50	19.137.50	17.751.79	18.038.87	17.467.87	570.997	570.997			Sở GD&ĐT	
	- Nhà lớp học 12 phòng học trường THPT Phù Lưu, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên			6.064.19	6.064.19	5.509.71	5.511.44	5.408.85	102.587	102.587				
	- Nhà lớp học 12 phòng học trường THPT Đầm Hồng, xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa			6.771.57	6.771.57	6.250.67	6.259.30	6.067.65	191.645	191.645				
	- Nhà lớp học 12 phòng học trường THPT Sông Lô, xã Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang			6.301.74	6.301.74	5.991.41	6.268.14	5.991.37	276.765	276.765				
2	Vốn đối ứng NSDP, Dự án cấp nước và vệ sinh môi trường thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá	2011-2014		17.624.68	17.624.68	17.624.50	15.503.88	15.017.48	486.408	486.408				
	- Hợp phần cấp nước			6.708.50	6.708.50	6.708.50	6.326.94	5.959.78	367.155	367.155			C.ty TNHH MTV cấp thoát nước - TQ;	
	- Hợp phần thoát nước			10.916.18	10.916.18	10.916.00	9.176.94	9.057.70	119.253	119.253			UBND Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện CH	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	KẾ HOẠCH 2018 (THEO NGUỒN VỐN)			CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:				
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất			Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Vốn đối ứng NSDP, Dự án cấp nước và vệ sinh môi trường thị trấn Na Hang, huyện Na Hang	2011-2014		29.730.54	29.730.54	29.730.54	25.724.01	25.565.01	158.991	158.991				
	- Hợp phần cấp nước			18.719.10	18.719.10	18.719.10	16.139.70	16.058.16	81.545	81.545			C.ty TNHH MTV cấp thoát nước - TQ;	
	- Hợp phần thoát nước			11.011.43	11.011.43	11.011.43	9.584.30	9.506.86	77.446	77.446			UBND thị trấn NH, huyện NH	
4	Vốn đối ứng NSDP, Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía bắc (ADB)	2011-2016		199.243.25	152.253.20	151.633.54	108.111.89	154.188.36	873.471	873.471			BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
	- Nâng cấp tuyến đường GTNT Đà Vị - Hồng Thái, Yên Hoa - Côn Lôn, huyện Na Hang		13,45km	63.788.21	63.788.21	63.788.21	63.593.72	63.229.65	364.064	364.064				
	- Nâng cấp tuyến đường GTNT Bình Xa - Minh Hương, huyện Hàm Yên		13,5km	42.669.23	42.669.23	42.522.92	41.699.45	41.552.89	146.567	146.567				
	- Cấp nước sinh hoạt cho các xã phía nam huyện Sơn Dương		2000 hộ	46.990.00			2.818.72	2.818.72						
	- Nâng cấp, mở rộng cấp nước sinh hoạt xã Đà Vị, Yên Hoa, huyện Na Hang			45.795.81	45.795.75	45.322.40		46.587.10	362.840	362.840				
V	CÁC CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP			3.413.516.59	2.580.303.54	1.109.481.88	131.852.64	975.474.67	201.238.00	192.338.00		8.900.00		46 Công trình
	CT CHUYÊN TIẾP DỰ KIẾN HOÀN THÀNH NĂM 2018			417.626.24	414.410.68	383.237.73	115.783.93	266.886.85	59.700.00	54.900.00		4.800.00		17 Công trình
V.1	Giao thông vận tải			197.803.89	194.588.33	179.617.40	101.210.60	133.500.00	10.000.00	10.000.00				
1	Đường lên Trung tâm chính trị - hành chính, huyện Lâm Bình			197.803.89	194.588.33	179.617.40	101.210.60	133.500.00	10.000.00	10.000.00			UBND huyện Lâm Bình	Đã quyết toán giai đoạn 1
V.2	Quản lý Nhà nước, quốc phòng - an ninh			97.504.95	97.504.95	88.690.09	14.573.34	56.538.85	23.000.00	23.000.00				
1	Công trình A04 của tỉnh Tuyên Quang	2016-2018		49.184.26	49.184.26	44.097.60	14.573.34	31.588.85	8.000.00	8.000.00			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
2	Trụ sở UBND xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang	2016-2018		6.476.15	6.476.15	6.167.76		4.850.00					UBND-TPTQ	(Vốn năm 2017, đến ngày 30/9/2017 giải ngân dưới 30%)
3	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Huyện ủy, huyện Hàm Yên	2016-2018		41.844.54	41.844.54	38.424.73		20.100.00	15.000.00	15.000.00			VP- Huyện Ủy Hàm Yên	
V.3	Y tế			26.406.23	26.406.23	24.867.75		14.611.00	8.000.00	3.200.00		4.800.00		
1	Trạm Y tế xã Công Đa, huyện Yên Sơn	2017-2018		3.996.58	3.996.58	3.633.25		1.050.00	2.000.00	2.000.00			BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	
2	Xây dựng Trạm Y tế xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên	2017-2018		2.534.60	2.534.60	2.413.90		1.850.00	400.00			400.00	UBND huyện Hàm Yên	
3	Xây dựng Trạm Y tế xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình	2017-2018		4.367.54	4.367.54	4.324.00		2.350.00	1.500.00			1.500.00	UBND huyện Lâm Bình	
4	Xây dựng Trạm Y tế xã Thượng Giáp, huyện Na Hang	2017-2018		4.945.28	4.945.28	4.495.71		2.702.00	1.600.00			1.600.00	UBND huyện Na Hang	
5	Xây dựng Trạm Y tế xã Hà Lang, huyện Chiêm Hóa	2017-2018		3.824.37	3.824.37	3.642.26		2.150.00	1.300.00			1.300.00	UBND huyện Chiêm Hóa	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	KẾ HOẠCH 2018 (THEO NGUỒN VỐN)				CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:				
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6	Xây dựng Trạm Y tế xã Quý Quân, huyện Yên Sơn	2017-2018		3.500.12	3.500.12	3.335.42		2.959.00					UBND huyện Yên Sơn	(Vốn năm 2017, đến ngày 30/9/2017 giải ngân dưới 30%)
7	Xây dựng Trạm Y tế xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên	2017-2020		3.237.74	3.237.74	3.023.21		1.550.00	1.200.00	1.200.00			BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
V.4	Giáo dục			64.272.34	64.272.34	61.587.49		37.100.00	16.700.00	16.700.00				
1	Trường Mầm Non, xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa	2016-2018		7.725.45	7.725.45	7.655.40		4.150.00					BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	(Vốn năm 2017, đến ngày 30/9/2017 giải ngân dưới 30%)
2	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Ý La, thành phố Tuyên Quang	2016-2018		22.337.35	22.337.35	20.961.36		15.800.00	3.700.00	3.700.00			Trường THPT Ý La	
3	Nhà tập đa năng của Trường THPT Nguyễn Văn Huyền	2016-2018		7.623.27	7.623.27	7.619.00		4.050.00	2.700.00	2.700.00			Trường THPT Nguyễn Văn Huyền	
4	Nhà hiệu bộ kết hợp phòng học Đa năng Trường THPT Na Hang	2016-2018		8.426.28	8.426.28	7.660.25		4.050.00	3.300.00	3.300.00			UBND huyện Na Hang	
5	Trường Tiểu học và THCS xã Côn Lôn, huyện Na Hang	2016-2018		18.160.00	18.160.00	17.691.48		9.050.00	7.000.00	7.000.00			UBND huyện Na Hang	Xã xây dựng nông thôn mới
V.5	Văn hoá - xã hội			31.638.83	31.638.83	28.475.00		25.137.00	2.000.00	2.000.00				
1	Hạ tầng Khu di tích thắng cảnh Động Tiên, huyện Hàm Yên	2014-2016		31.638.83	31.638.83	28.475.00		25.137.00	2.000.00	2.000.00			UBND huyện HY	
	CT CHUYỂN TIẾP DK HOÀN THÀNH SAU NĂM 2018			2.995.890.35	2.165.892.86	726.244.15	16.068.71	708.587.82	141.538.00	137.438.00		4.100.00		29 Công trình
V.6	Công nghiệp			82.202.00	64.724.54	12.600.00		16.000.00	2.000.00	2.000.00				
1	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Khuôn Phuron, huyện Na Hang	2016-2020		82.202.00	64.724.54	12.600.00		16.000.00	2.000.00	2.000.00			UBND huyện Na hang	Vốn CTMT Đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp, Vốn NSDP và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác
V.7	Thuỷ lợi			49.963.76	19.556.09	13.559.28		13.000.00	3.000.00	3.000.00				
1	NSDP năm 2018, bố trí hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng (giai đoạn 1), dự án Sửa chữa, nâng cấp công trình thuỷ lợi hồ Khuổi Giáng, xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn	2013-2015		49.963.76	19.556.09	13.559.28		13.000.00	3.000.00	3.000.00			UBND huyện Yên Sơn	
V.8	Giao thông			821.227.34	812.731.35	140.928.60		165.926.41	31.000.00	31.000.00				
1	Dự án 02 tuyến đường dọc hai bên bờ sông Lô đầu nối với các tuyến QL37, QL2C, đường Hồ Chí Minh liên kết với đường cao tốc nối thành phố Tuyên Quang với cao tốc Lào Cai-Nội Bài	2017-2021		436.901.02	436.901.02			1.653.91	5.000.00	5.000.00			UBND thành phố Tuyên Quang	CTMT Phát triển Kinh tế xã hội các vùng, Vốn NSDP và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác
2	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông khu vực trung tâm huyện Lâm Bình	2016-2020		113.899.60	113.899.60	97.575.72		39.800.00	5.000.00	5.000.00			UBND huyện Lâm Bình	CTMT Phát triển Kinh tế xã hội các vùng, Vốn NSDP và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác
3	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT185 đoạn qua đèo Kéo Nàng, xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	2016-2018		47.544.41	47.544.41	43.352.88		11.500.00	8.000.00	8.000.00			UBND huyện Lâm Bình	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	KẾ HOẠCH 2018 (THEO NGUỒN VỐN)				CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:				
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	Đường Phù Lưu - Minh Dân - Minh Khương, huyện Hàm Yên (giai đoạn 2)	2011-2018	L=38,962Km	145.585.32	137.089.32			104.902.51	13.000.00	13.000.00			UBND huyện HY	Hoàn thành giai đoạn 1 (Vốn TPCP);
5	Đường Đồng Luộc - Phúc Hương, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa	2017-2020		77.297.00	77.297.00			8.070.00					UBND huyện Chiêm Hóa	(Vốn năm 2017, đến ngày 30/9/2017 giải ngân dưới 30%)
V.9	Y tế :			164.932.14	155.133.62	122.963.34		105.364.60	3.000.00	3.000.00			#REF!	
1	Xây dựng Bệnh viện đa khoa, huyện Lâm Bình	2013-2019		164.932.14	155.133.62	122.963.34		105.364.60	3.000.00	3.000.00			UBND huyện Lâm Bình	Vốn CTMT đầu tư phát triển hệ thống Y tế địa phương, Vốn NSDP và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác
V.10	Giáo dục			205.588.13	171.730.14	100.567.82		53.068.00	36.100.00	32.000.00		4.100.00		
1	Xây dựng trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS, huyện Lâm Bình	2016-2020		53.211.64	19.353.65	18.432.05		15.875.98	10.174.02	10.174.02			UBND huyện Lâm Bình	Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn; Vốn NSDP và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác
2	Trường Tiểu học, xã Đại phú, huyện Sơn Dương	2016-2020		24.496.92	24.496.92	23.418.90		8.000.00					UBND huyện Sơn Dương	Xã xây dựng nông thôn mới (Vốn ĐT trong cân đối 8 tỷ đồng, phần còn lại sử dụng NS huyện)
3	Trường THPT Lâm Bình, huyện Lâm Bình	2017-2019		28.733.18	28.733.18			274.02	3.825.98	3.825.98			BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	(Vốn năm 2017, đến ngày 30/9/2017 giải ngân dưới 30%)
4	Xây dựng, cải tạo Trung tâm thực hành, thực nghiệm trường Đại học Tân Trào	2017-2019		11.276.16	11.276.16	11.270.92		4.448.00	4.100.00			4.100.00	Trường Đại học Tân Trào	
5	San nền; Hạ tầng kỹ thuật; Trung tâm học liệu và thông tin thư viện Trường Đại học Tân Trào	2016-2020		80.000.00	80.000.00	39.828.99		22.400.00	18.000.00	18.000.00			Trường Đại học Tân Trào	CTMT phát triển KT-XH vùng, Vốn NSDP và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác
6	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường THPT Xuân Huy, huyện Yên Sơn	2017-2019		7.870.23	7.870.23	7.616.96		2.070.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	(Vốn năm 2017, đến ngày 30/9/2017 giải ngân dưới 30%)
V.11	Quản lý Nhà nước, quốc phòng - an ninh			108.283.11	108.283.11	92.523.86		22.197.14	19.600.00	19.600.00				
1	Xây dựng trụ sở HĐND-UBND huyện Hàm Yên (tại địa điểm mới)	2017-2020		51.864.16	51.864.16	38.996.09		5.100.00	7.000.00	7.000.00			UBND huyện Hàm Yên	
2	Trụ sở UBND xã Bình An, huyện Lâm Bình	2017-2019		6.378.64	6.378.64	6.353.00		3.510.12	700.00	700.00			UBND huyện Lâm Bình	
3	Trụ sở UBND xã Thanh Tương, huyện Na Hang	2017-2019		6.414.67	6.414.67	6.116.35		2.437.03	2.400.00	2.400.00			UBND huyện Na Hang	
4	Trụ sở UBND xã Bình Phú, huyện Chiêm Hóa	2017-2020		7.127.44	7.127.44	6.802.77		1.550.00	2.000.00	2.000.00			UBND huyện Chiêm Hóa	
5	Trụ sở UBND xã Minh Hương, huyện Hàm Yên	2017-2019		5.680.04	5.680.04	5.595.58		1.550.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	(Vốn năm 2017, đến ngày 30/9/2017 giải ngân dưới 30%)

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	KẾ HOẠCH 2018 (THEO NGUỒN VỐN)			CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:				
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất			Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6	Trụ sở UBND xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	2017-2019		5.380.34	5.380.34	4.924.51		1.550.00	2.000.00	2.000.00			BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
7	Trụ sở UBND xã Trung Trục, huyện Yên Sơn	2017-2020		5.730.16	5.730.16	5.468.90		1.550.00	3.000.00	3.000.00			UBND huyện Yên Sơn	
8	Trụ sở UBND xã An Tường, TPTQ	2017-2020		8.303.75	8.303.75	7.548.86		1.850.00					UBND - TPTQ	<i>(Vốn năm 2017, đến ngày 30/9/2017 giải ngân dưới 30%)</i>
9	Trụ sở UBND xã Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương	2017-2019		5.199.20	5.199.20	5.084.98		1.550.00	2.500.00	2.500.00			BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
10	Trụ sở UBND xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương	2017-2019		6.204.71	6.204.71	5.632.82		1.550.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	<i>(Vốn năm 2017, đến ngày 30/9/2017 giải ngân dưới 30%)</i>
V.12	Văn hoá - xã hội :			215.373.87	137.751.25	112.757.58		64.800.00	13.000.00	13.000.00				
1	Nâng cấp cơ sở hạ tầng thị trấn Na Hang lên Thị xã Na Hang	2016-2020		170.000.00	92.377.38	87.978.45		50.800.00	5.000.00	5.000.00			UBND huyện Na Hang	CTMT Phát triển Kinh tế xã hội các vùng, Vốn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác
2	Xây dựng Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		45.373.87	45.373.87	24.779.13		14.000.00	8.000.00	8.000.00			Sở KH và CN	
V.13	Dự án sử dụng vốn ODA			1.348.320.00	695.982.76	130.343.67	16.068.71	268.231.67	33.838.00	33.838.00				
1	Vốn NSDP, Chương trình mở rộng quy mô VS&NS nông thôn dựa trên kết quả giai đoạn 2016-2020 tỉnh Tuyên Quang (Vay WB)	2016-2020		253.373.00				15.000.00	6.000.00	6.000.00			TT nước sạch và VSMT; Sở Giáo dục và Đào tạo; TT Y tế dự phòng tỉnh	Vốn đầu tư trong cân đối NSDP: 6.000 trđ (Tr. Đó: Bao gồm cả vốn Chính phủ vay về cho vay lại) (Có kế hoạch phân bổ riêng)
2	Vốn NSDP, Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	2016-2022		251.660.00				6.000.00	10.900.00	10.900.00			BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Vốn WB; Vốn đầu tư trong cân đối NSDP: 10.900 trđ (Tr. Đó: bao gồm cả Vốn Chính phủ vay về cho vay lại)
	- Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn			47.978.09				6.000.00						
	- Tiểu dự án 2: Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước tại các huyện, gồm 13 công trình													
3	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - TPTQ (Vốn WB)	2015-2020		843.287.00	695.982.76	130.343.67	16.068.71	247.231.67	16.938.000	16.938.00			UBND TPTQ	Vốn ODA, Vốn đối ứng ODA từ NSTW; Vốn đầu tư trong cân đối NSDP: 16.938 trđ (Tr. Đó: bao gồm cả Vốn Chính phủ vay về cho vay lại)
1.1	Thi công xây dựng các hạng mục đầu tư giai đoạn 1 (2015-2016)	2015-2016		167.664.68	141.576.83	130.343.67	16.068.71	101.660.83						
1.2	Thi công xây dựng các hạng mục đầu tư giai đoạn 2			701.167.87	554.405.93	231.557.84		41.570.84						
VI	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018			331.771.58	174.174.15			5.785.00	64.275.18	54.175.18		10.100.00		16 Công trình

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	KẾ HOẠCH 2018 (THEO NGUỒN VỐN)				CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:				
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
VI.1	Giao thông			270.649.01	113.051.58			5.235.00	40.000.00	40.000.00				
1	Đường Kiên Đài -Khuôn Miêng, huyện Chiêm Hóa (Đoạn từ Trụ sở UBND xã Kiên Đài đến đầu cầu Khuôn Miêng - thôn Nà Pó)	2018-2022		81.079.09	74.534.76			3.700.00	15.000.00	15.000.00			BQL Dự án vùng căn cứ Cách mạng - TQ	Vốn CTMT hỗ trợ QPAN trên địa bàn trọng điểm; Vốn NSDP và huy động các nguồn hợp pháp khác
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Trung tâm xã Vân Sơn qua các thôn Vộc Dầu, Xóm Mới, nhánh vào thôn Mãn Sơn đi xã Hồng Lạc, xã Sầm Dương đến thôn Phan Lương, xã Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2018-2022		80.563.19				500.00	10.000.00	10.000.00			UBND huyện Sơn Dương	CTMT Phát triển Kinh tế xã hội các vùng; Vốn NSDP và huy động các nguồn hợp pháp khác
3	Đường Yên Hoa -Khuôn Miêng (ĐH.09), huyện Na Hang	2018-2020		59.009.48	38.516.83				15.000.00	15.000.00			Ban di dân, tái định cư thủy điện TQ	Vốn NSTW + Vốn NSDP và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác
4	Xây dựng cầu cứng và đường từ Quốc lộ 2C vào khu di tích Sở Đức Tiền Bộ Tài Chính tại xã Bình Nhân - Chiêm Hóa - Tuyên Quang	2018-2020		49.997.26				1.035.00					Sở Tài Chính	Dự án xin vốn Bộ Tài chính (NSTW bổ sung qua dự toán Ngân sách tỉnh)
VI.2	Quản lý Nhà nước, quốc phòng - an ninh			34.919.95	34.919.95			250.00	10.500.00	10.500.00				
1	Trụ sở UBND xã Minh Quang, huyện Chiêm Hóa	2018-2020		6.471.52	6.471.52			50.00	2.000.00	2.000.00			BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
2	Trụ sở UBND thị trấn Na Hang, huyện Na Hang			12.568.69	12.568.69			50.00	3.600.00	3.600.00			BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
3	Trụ sở UBND xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên	2018-2020		4.589.58	4.589.58			50.00	1.500.00	1.500.00			BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
4	Trụ sở UBND xã Thanh Phát, huyện Sơn Dương	2018-2020		5.603.15	5.603.15			50.00	1.500.00	1.500.00			BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
5	Trụ sở UBND xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn	2018-2020		5.687.01	5.687.01			50.00	1.900.00	1.900.00			BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
VI.3	Y tế			16.818.95	16.818.95			200.00	10.100.00			10.100.00		
1	Xây dựng trạm Y tế xã Minh Dân, huyện Hàm Yên	2018-2020		2.618.58	2.618.58			50.00	1.800.00			1.800.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
2	Xây dựng trạm Y tế xã Trung Hà, huyện Chiêm Hoá	2018-2020		3.434.52	3.434.52			50.00	2.000.00			2.000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
3	Xây dựng Trạm Y tế xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên	2018-2020		3.740.84	3.740.84			50.00	2.200.00			2.200.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
4	Xây dựng trạm Y tế xã Phú Lâm, huyện Yên Sơn	2018-2020		3.591.32	3.591.32			50.00	2.100.00			2.100.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXDCB# +ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	KẾ HOẠCH 2018 (THEO NGUỒN VỐN)			CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:				
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất			Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
5	Xây dựng Trạm Y tế xã Trung Yên, huyện Sơn Dương	2018-2020		3.433.69	3.433.69				2.000.00			2.000.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
VI.4	Văn hóa - xã hội			9.383.66	9.383.66			100.00	3.000.00	3.000.00				
1	Đầu tư, tôn tạo xây dựng Di tích thành lập Chi bộ Mộ Than (Chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Tuyên Quang)	2018-2020		9.383.66	9.383.66			100.00	3.000.00	3.000.00			UBND - TPTQ	Vốn NS tỉnh: 5.000 trđ; số vốn còn lại UBND thành phố cân đối
VI.5	Dự án sử dụng vốn ODA								675.18	675.18				
1	Vốn NSDP, Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai								675.18	675.18			Sở Tài nguyên và Môi trường	Vốn trong cân đối NSDP: 675,18 trđ (Bao gồm cả vốn Chính phủ vay về cho vay lại)
VII	VỐN BỔ TRÍ BỔ SUNG TRONG NĂM CHO CÁC CÔNG TRÌNH CẦN PHẢI ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ...								30.000.00	30.000.00				Phân bổ chi tiết trong năm
VIII	CÁC CÔNG TRÌNH CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			54.447.25	34.763.42			1.965.49	3.100.00	3.100.00				51 Công trình
(1)	Vốn đối ứng NSDP, Các công trình sử dụng vốn ODA								3.000.00	3.000.00				03 công trình
1	Vốn đối ứng NSDP, Dự án Bệnh viện đa khoa khu vực Kim xuyên, huyện Sơn Dương (Năm 2018: 3.000 trđ, trong đó: 1.950 trđ GPMB)								3.000.00	3.000.00			BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Sử dụng vốn của nước Cộng hòa Hungrari
2	Dự án phát triển kinh doanh nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu (Vốn vay ODA)	2018-2024											Ban điều phối Dự án hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn tỉnh	Vốn IFAX
3	Chương trình phát triển khu vực nông thôn tỉnh Tuyên Quang (Vốn viện trợ không hoàn lại)	2019-2023											Ban điều phối Dự án hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn tỉnh	Vốn KOICA
(2)	Các công trình sử dụng nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết			12.183.29	12.183.29			550.00						11 công trình
1	Trạm y tế phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang			3.723.68	3.723.68			50.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
2	Xây dựng Trạm Y tế xã Sinh Long, huyện Na Hang							50.00					UBND huyện Na Hang	
3	Xây dựng Trạm Y tế xã Trung Hòa, huyện Chiêm Hóa							50.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
4	Xây dựng Trạm Y tế xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa							50.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
5	Xây dựng Trạm Y tế xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn							50.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	KẾ HOẠCH 2018 (THEO NGUỒN VỐN)			CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:				
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất			Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6	Xây dựng Trạm Y tế xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn							50.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
7	Trạm Y tế xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn							50.0					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
8	Trạm Y tế xã Phú Thịnh, huyện Yên Sơn							50.0					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
9	Xây dựng Trạm Y tế xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên			2.478.24	2.478.24			50.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
10	Xây dựng Trạm Y tế xã Thành Long, huyện Hàm Yên			2.587.85	2.587.85			50.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
11	Xây dựng trạm Y tế xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên			3.393.52	3.393.52			50.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
(3)	Các công trình xin vốn tài trợ của EU			8.298.42	8.298.42			150.00						10 Công trình
1	Xây dựng Trạm Y tế xã Yên Hoa, huyện Na Hang							50.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
2	Xây dựng Trạm Y tế xã Nhân Lý, huyện Chiêm Hóa			4.864.74	4.864.74			50.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
3	Xây dựng Trạm Y tế xã Kiến Thiết, huyện Yên Sơn			3.433.69	3.433.69			50.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
4	Xây dựng Trạm Y tế xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương												UBND huyện Sơn Dương	
5	Xây dựng Trạm Y tế xã Tuân Lộ, huyện Sơn Dương												UBND huyện Sơn Dương	
6	Xây dựng Trạm Y tế xã Minh Quang, huyện Chiêm Hóa												UBND huyện Chiêm Hóa	
7	Xây dựng Trạm Y tế xã Tân An, huyện Chiêm Hóa												UBND huyện Chiêm Hóa	
8	Xây dựng Trạm Y tế xã Tân Long, huyện Yên Sơn												UBND huyện Yên Sơn	
9	Xây dựng Trạm Y tế xã Trung Trục, huyện Yên Sơn												UBND huyện Yên Sơn	
10	Xây dựng Trạm Y tế xã Minh Hương, huyện Hàm Yên												UBND huyện Hàm Yên	
(4)	Các công trình sử dụng vốn đầu tư trong cân đối NSDP (Vốn XDCBTT)			42.263.97	22.580.14			1.415.49	100.00	100.00				26 công trình
1	Đường Tuân Lộ - Thanh Phát (ĐH.08), huyện Sơn Dương		L=3,4km										UBND huyện Sơn Dương	
2	Đường Tam Đa - Lâm Xuyên (ĐH.01), huyện Sơn Dương		L=3km										UBND huyện Sơn Dương	
3	Đường nội bộ từ trụ sở Tỉnh ủy đến Nhà khách Kim Bình, bãi đỗ xe, kè bảo vệ chống sạt lở và cải tạo sân, vườn khu vực Tỉnh ủy;							90.00					Văn phòng Tỉnh ủy	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	KẾ HOẠCH 2018 (THEO NGUỒN VỐN)			CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:				
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất			Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	Xây dựng Nhà làm việc và Trung tâm kỹ thuật và Nhà STUDIO - Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang								100.00	100.00			Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang	
5	Trụ sở UBND xã Kiên Đài, huyện Chiêm Hóa			5.766.34	5.766.34			80.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
6	Trụ sở UBND xã Tân An, huyện Chiêm Hóa							50.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
7	Trụ sở UBND xã Nhân Lý, huyện Chiêm Hóa			6.343.55	6.343.55			50.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
8	Trụ sở UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên			4.981.66	4.981.66			50.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
9	Trụ sở UBND xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên			5.488.58	5.488.58			50.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
10	Trụ sở UBND thị trấn Tân Bình, huyện Yên Sơn							50.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
11	Công trình thủy lợi Đồng Trại, thôn Phú Nhiêu, xã Phú Lương, huyện Sơn Dương			19.683.83				80.00					UBND huyện Sơn Dương	
12	Trạm bơm Vĩnh Tường, huyện Chiêm Hóa							372.49					BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	
13	Trạm bơm Khẩu Phát, huyện Yên Sơn							323.00					BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	
14	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường THPT Thượng Lâm, huyện Lâm Bình							70.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
15	Trường Tiểu học Xuân Quang, huyện Chiêm Hóa												BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
16	Trường Tiểu học Hùng Lợi II, huyện Yên Sơn							50.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
17	Trường THCS Công Đa, huyện Yên Sơn												BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
18	Trường THCS Phú Thịnh, huyện Yên Sơn												BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
19	Trường Tiểu học Trung Sơn, huyện Yên Sơn												BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
20	Trường Tiểu học Kim Quan, huyện Yên Sơn												BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXDCB# +ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	KẾ HOẠCH 2018 (THEO NGUỒN VỐN)			CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
									Tổng số	Trong đó:				
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất			Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
21	Trường Tiểu học Hợp Thành, huyện Sơn Dương												BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
22	Trường Tiểu học Lương Thiện, huyện Sơn Dương												BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
23	Trường Tiểu học (19-8) Minh Thanh, huyện Sơn Dương							50.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
24	Trường Tiểu học Bình Yên, huyện Sơn Dương							50.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
25	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường THPT Xuân Vân, huyện Yên Sơn												BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
26	Dự án đường giao thông trục chính Cụm công nghiệp Thăng Quân (Đoạn qua Cụm công nghiệp chế biến gỗ), huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang												UBND huyện Yên Sơn	Vốn ngân sách tỉnh
IX	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TÁI CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÒNG CHỐNG GIẢM NHỆ THIÊN TAI, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ			171.238.98				4.800.00	4.200.00	4.200.00				
IX.1	Chương trình Di dân tái định cư theo Quyết định 1776/QĐ-TTg			171.238.98				4.800.00	4.200.00	4.200.00				
	Công trình khởi công năm 2018			171.238.98				4.800.00	4.200.00	4.200.00				
1	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ quét, lũ ống, sạt lở đất rừng phòng hộ đầu nguồn tại thôn Ngòi Cái, xã Tiến Bộ, huyện Yên Sơn	2018-2022		83.238.98				1.800.00	2.500.00	2.500.00			UBND huyện Yên Sơn	Vốn CTMT tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định dân cư, Vốn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác
2	Dự án đầu tư di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, đặc biệt khó khăn thôn Khâu Tinh, Tát Kê xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	2018-2022		88.000.00				3.000.00	1.700.00	1.700.00			BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Vốn CTMT tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định dân cư, Vốn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác
X	CÔNG TRÌNH CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐTXD CHƯA ĐỦ THỦ TỤC GIAO VỐN THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG													Biểu số 2.1
XI	CÁC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH CHỜ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN													Biểu số 2.2
XII	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN VỐN TW													Biểu số 2.3

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG KẾ HOẠCH NĂM 2018
CÔNG TRÌNH CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐTXD CHƯA ĐỦ THỦ TỤC GIAO VỐN THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ					50.00		17 Công trình
(1)	Các công trình, dự án sử vốn hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW							02 công trình
1	Đường Sơn Dương - Thiện Kế (ĐH.03), huyện Sơn Dương						BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Không được Trung ương thẩm định nguồn vốn (không được giao vốn giai đoạn 2016-2020)
2	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Tuyên Quang						Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Tuyên Quang	Chương trình mục tiêu y tế - dân số (Không được TW giao vốn GD 2016-2020)
(2)	Các công trình, dự án sử dụng nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết							07 Công trình
1	Trạm y tế xã An Tường, thành phố Tuyên Quang						BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Chưa triển khai làm thủ tục đầu tư (chủ chương đầu tư)
2	Xây dựng Trạm Y tế xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương						BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Sở KH&ĐT đã trình chưa được PD chủ trương
3	Xây dựng Trạm Y tế xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương						BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Sở KH&ĐT đã trình chưa được PD chủ trương
4	Xây dựng Trạm Y tế xã Chi Thiết, huyện Sơn Dương						BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Sở KH&ĐT đã trình chưa được PD chủ trương
5	Trạm Y tế xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương						BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Sở KH&ĐT đã trình chưa được PD chủ trương
6	Xây dựng Trạm Y tế xã Kháng Nhật, huyện Sơn Dương						BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Sở KH&ĐT đã trình chưa được PD chủ trương
7	Xây dựng Trạm Y tế xã Thanh Phát, huyện Sơn Dương						BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Sở KH&ĐT đã trình chưa được PD chủ trương

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyet	Giá trị dự toán được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9
(3)	Các công trình, dự án sử dụng vốn đầu tư trong cân đối NSDP (Vốn XD CBTT)					50.00		15 Công trình
1	Xây dựng công trình Cổng phía Nam tỉnh Tuyên Quang						BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Chưa triển khai làm thủ tục đầu tư (chủ chương đầu tư)
2	Trụ sở UBND xã Thái Long, thành phố Tuyên Quang					50.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Chưa triển khai làm thủ tục đầu tư (chủ chương đầu tư); Xã nông thôn mới
3	Trụ sở UBND xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn						BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Chưa PD chủ chương đầu tư (Sở KH&ĐT đã đề xuất ngày 31/8/2015)
4	Trụ sở UBND phường Ý La - TPTQ						BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Chưa triển khai làm thủ tục đầu tư
5	Trụ sở UBND phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang						BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Chưa triển khai làm thủ tục đầu tư
6	Trụ sở UBND phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang						BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Chưa triển khai làm thủ tục đầu tư
7	Trường Tiểu học Trung Yên, huyện Sơn Dương						BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Chưa triển khai làm thủ tục đầu tư (chủ chương đầu tư)
8	Dự án tăng cường tiềm lực cho Trung tâm ứng dụng tiến bộ và chuyển giao công nghệ tỉnh Tuyên Quang						BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Chưa triển khai làm thủ tục đầu tư (chủ chương đầu tư)

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG KẾ HOẠCH NĂM 2018
CÁC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH CHỜ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG			3.121.045.71	2.491.099.48	2.302.889.03	216.487.96	2.230.225.93		
I.1	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi			150.633.25	150.633.25	136.582.62		133.905.77		
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ Phai Kẽm, huyện Hàm Yên	2009-2011	150 Ha	14.992.71	14.992.71	14.873.00		14.407.00	UBND huyện Hàm Yên	Vốn TPCP
2	Nâng cấp tuyến đê tả sông Lô kết hợp đường cứu hộ, cứu nạn xã Cấp Tiến, huyện Sơn Dương	2010-2013	L=7.667m	69.264.87	69.264.87	61.755.59		60.200.00	UBND huyện SD	Dự án xin vốn HT đường cứu hộ, cứu nạn + Vốn vượt thu, kết dư NSTW
3	Kè bảo vệ chống sạt lở bờ suối xã Minh Hương, huyện Hàm Yên	2011-2013		59.310.88	59.310.88	52.889.24		52.526.80	UBND huyện Hàm Yên	
4	Kè bảo vệ chống sạt lở bờ sông khu tưởng niệm liệt sĩ ngành Tài Chính tại xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn	2011-2012		7.064.79	7.064.79	7.064.79		6.771.97	Sở Tài chính	Vốn Bộ Tài chính hỗ trợ
I.2	Giao thông :			859.998.11	667.712.28	582.661.03		564.564.32		
1	Vốn đối ứng NSDP - công tác rà phá bom mìn, vật nổ để xây dựng 50 cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) tỉnh Tuyên Quang	2015-2019		1.332.56	1.332.56	1.300.00		1.090.18	Sở Giao thông Vận tải	
2	Vốn đối ứng Dự án cầu nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2015-2017		23.266.24	23.266.24	23.266.24		23.266.24	Tỉnh đoàn Tuyên Quang	Vốn Trung ương Đoàn (NSTW: 18.266,241trđ; NSDP: 5.000trđ)
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Km129+850 QL2 đến đường dẫn cầu An Hoà (ngã ba gốc Gạo đi Ruộc đến đường dẫn cầu An Hoà); Công trình năm 2012 dừng thực hiện.	2009-2012	L=7km	102.930.84	102.930.84	54.583.00		53.583.00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
4	Xây dựng tuyến đường từ khu TĐC Km13 đến tuyến A-B, thị trấn huyện lỵ Yên Sơn	2016-2017		8.056.38	8.056.38	7.826.05		7.300.00	UBND huyện Yên Sơn	
5	Đường Vinh Quang - Bình Nhân (ĐH.06), huyện Chiêm Hoá	2015-2017	L=3km	39.999.94	39.999.94	36.363.58		32.470.781	Sở Tài Chính	Dự án xin vốn Bộ Tài chính (NSTW bổ sung qua dự toán Ngân sách tỉnh)
6	Nâng cấp mở rộng đường vào khu di tích bộ Tài chính tại thôn Trấn Kiêng, xã Phú Lương, huyện Sơn Dương	2016-2017		7.038.20	7.038.20	7.038.20		5.500.00	Sở Tài chính	Dự án xin vốn Bộ Tài chính (NSTW bổ sung qua dự toán Ngân sách tỉnh)
7	Cải tạo nút giao thông Km5 Quốc Lộ 2 (đường Tuyên Quang - Hà Giang)	2011-2014		31.093.00	30.396.79	18.610.00		17.597.08	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
8	Cải tạo nâng cấp đường từ xã Thượng âm đi xã Đại phú, huyện Sơn Dương	2009-2013	L=47km	159.341.13	159.341.13	154.280.00		152.000.00	UBND huyện Sơn Dương	Vốn TPCP
9	Đường Nhân Mục - Bằng Cốc, huyện Hàm Yên	2015-2016	L=4km	14.105.81	14.105.81	13.451.40		13.866.37	UBND huyện Hàm Yên	(Năm 2014, bố trí từ Nguồn tiết kiệm chi: 5.000 trđ; năm 2015: 8.716,37 nguồn tiết kiệm chi)
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Thanh (từ Km138+830 QL2 đi QL2C)	2013-2015	L=2,3km	42.320.70	39.209.84	39.209.84		39.181.00	UBND thành phố Tuyên Quang	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
11	Công trình phá đá thanh thải chướng ngại vật tại 03 vị trí (Km67+500; Km69+500 và Km78+500) có đá ngầm ảnh hưởng trực tiếp vào luồng chạy tàu tuyến sông Lô từ thị trấn Đuan Hùng (Km64+00) đến cầu An Hoà - Khu công nghiệp Long Bình An (Km83+00)			2.185.55	2.185.55	2.081.47		800.00	Sở GT-VT	
12	Đường vào khu xử lý rác xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	2011-2013		18.967.22	18.967.22	14.967.22		14.200.00	UBND huyện Yên Sơn	
13	Đường giao thông từ xã Hồng Quang đi xã Bình An, huyện Lâm Bình		L=12.035m	130.274.90	100.919.515	94.721.766		89.890.00	UBND huyện Lâm Bình	(Vốn năm 2017, đến ngày 30/9/2017 giải ngân dưới 30%)
14	Cải tạo, nâng cấp Đại lộ Tân Trào (từ ngã ba Chanh Km208+990 QL37 qua dốc Đò đến ngã ba giao với đường 17/8);	2011-2015	L=3,7km	279.085.65	119.962.27	114.962.27		113.819.67	UBND thành phố Tuyên Quang	
	- Đoạn từ cổng thành nhà Mạc đến Trung tâm Hội nghị tỉnh.	2011-2014			119.962.27	114.962.27		113.819.67		
1.3	Văn hóa - xã hội :			831.165.69	728.064.31	682.155.20	151.943.71	656.115.37		
1	Xử lý ô nhiễm môi trường bãi rác Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang	2012-2013		28.903.61	28.903.61	14.451.81		14.451.81	UBND thành phố Tuyên Quang	(Thực hiện theo số vốn được TW giao)
2	Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh tại tỉnh Tuyên Quang.	2013-2014		26.568.03	25.025.06	22.905.48		22.978.00	Sở Xây dựng	
3	Hệ thống âm thanh, điện chiếu sáng, cây xanh Quảng trường Nguyễn Tất Thành, TPTQ	2014-2020		53.643.57	32.654.84	29.672.68		23.500.00	Sở Xây Dựng	
4	Xây dựng đường điện chiếu sáng trên QL2 đoạn từ Km5-trung tâm Đại học Tân Trào và khu trung tâm hành chính huyện Yên Sơn	2015-2016	L=2km	4.411.17	4.411.17	4.411.17		1.200.00	UBND huyện Yên Sơn	Vốn sự nghiệp kinh tế NS tỉnh
5	Công trình Nhà làm việc, nhà ở tập thể, nhà trung bày, nhà khách thuộc khu bảo tàng Tân Trào - ATK, huyện Sơn Dương	2008-2009		6.082.40	6.082.40	6.082.40		6.000.00	Bảo tàng Tân Trào - ATK	Vốn đầu tư bảo tồn văn hoá
6	Trục vớt xác tàu chiến giặc pháp do quân và dân ta bắn chìm trên Sông Lô, xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn	2011-2012		754.84	754.84	754.84		700.00	Sở Xây Dựng	
7	Công trình cải tạo và xây dựng một số hạng mục Khu tưởng niệm liệt sĩ ngành Tài chính tại xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn	2012-2013		970.81	970.81	970.81		949.338	Sở Tài chính	Vốn Bộ Tài chính hỗ trợ
8	Xây dựng nhà khách Kim Bình tỉnh Tuyên Quang	2008-2011		82.358.55	82.358.55	81.458.55		79.772.70	VP Tỉnh uỷ	
9	Trung tâm hội nghị Tỉnh	2007-2011		162.047.41	159.006.96	159.006.96	120.277.28	157.787.86	Sở Xây Dựng	Đang quyết toán các hạng mục còn lại
10	Mở rộng phòng ăn tầng 1, xây mới nhà bếp và làm sảnh đón khách có mái che của nhà khách Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang	2015-2016		14.998.08	14.998.08	14.987.73		14.225.30	Văn phòng Tỉnh uỷ	
11	Xây dựng mở rộng khu tái định cư di chuyển các hộ dân khu xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	2012-2013		7.711.53	7.711.53	7.677.15		7.354.16	UBND huyện Yên Sơn	
12	Công trình di chuyển đường điện và xây dựng hệ thống thoát nước thải trong Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang	2011-2013		8.065.30	8.065.30	8.065.30		7.445.00	BQL Khu du lịch - SK Mỹ Lâm	
13	Quảng trường, Cụm tượng đài Bác Hồ với Nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang			369.520.00	291.990.77	271.092.30		261.790.34	Sở Xây Dựng	
	- Trong đó Giai đoạn I: Quảng trường Nguyễn Tất Thành	2012-2016		293.470.54	291.990.77	271.092.30		261.790.34		
14	Bảo tàng tỉnh	2008-2012	2.900 m2	58.639.89	58.639.89	54.329.73	31.666.43	52.886.32	Sở Xây Dựng	Đang quyết toán các hạng mục còn lại

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	- Phần kiến trúc			36.832.43	36.832.43	33.649.66	31.666.43	33.660.96		
	- Phần trung bày			21.807.46	21.807.46	20.680.07		19.225.36		
15	Chương trình 134 kéo dài			6.490.49	6.490.49	6.288.27		5.074.54		
	- Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Nà Ráo, xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình			1.300.00	1.300.00	1.217.78		1.285.05	UBND huyện Lâm Bình	
	- Công trình cấp nước sinh hoạt Bản Thác, xã Yên Hoa, huyện Na Hang			1.300.00	1.300.00	1.300.00		1.212.97	UBND huyện Na Hang	
	- Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Lãng Quây, xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa			1.356.49	1.356.49	1.356.49		1.276.51	UBND huyện Chiêm Hóa	
	- Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung Bản Biền, xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa			2.534.00	2.534.00	2.414.00		1.300.00	UBND huyện Chiêm Hóa	
I.4	Y tế :			657.041.79	423.843.06	421.684.87	4.635.59	419.332.06		
1	XD công trình Nhà điều trị bệnh nhân khối nội, khối ngoại, phụ sản và các chuyên khoa của BVĐK Tuyên Quang (Xây lắp + thiết bị)	2008-2012		97.149.00	97.149.00	97.149.00		97.149.00	Bệnh viện ĐK-TQ	Vốn TPCP
2	Xây dựng Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Tuyên Quang (Địa điểm mới)	2011-2014	200 giường	268.898.85	268.898.82	268.898.82		268.890.00	Bệnh viện Lao và Phổi - TQ	Vốn TPCP
3	Xây dựng trạm Y tế thị trấn Tân Bình, huyện Yên Sơn	2015-2016	XD mới	4.474.73	4.474.73	4.027.73		3.953.43	UBND huyện Yên Sơn	
4	Xây dựng các Trung tâm y tế tuyến tỉnh trực thuộc Sở Y tế			149.106.00	13.637.16	13.637.16		13.637.16	Sở Y tế	Dừng thực hiện do di chuyển địa điểm (Quyết toán phần vốn đã thực hiện)
5	Trạm y tế Khuôn Hà, huyện Lâm Bình			3.817.55	3.817.55	3.817.55	2.398.89	3.600.00	UBND huyện Lâm Bình	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2014 NSTW cấp cho tỉnh: 1.100 Trđ
6	Xây dựng trạm Y tế xã Hồng Quang, huyện Lâm Bình	2015-2016	XD mới	3.919.87	3.919.87	3.919.87		3.679.00	UBND huyện Lâm Bình	
7	Bệnh viện đa khoa huyện Hàm Yên			43.683.38	1.470.00	1.470.00		1.470.00	Sở Y tế	Vốn TPCP (Quyết toán kinh phí chuẩn bị đầu tư)
8	Bệnh viện đa khoa khu vực Kim xuyên, huyện Sơn Dương		50 giường	58.456.48	840.00	840.00		840.00	Sở Y tế	Vốn TPCP (Quyết toán kinh phí chuẩn bị đầu tư)
9	Cải tạo, nâng cấp Trường trung cấp Y tế tỉnh Tuyên Quang	2017-2020			2.100.00	2.100.00		2.100.00	Trường trung học Y tế - TQ	Vốn NHTG (WB): 339.538,768trđ; Vốn NSNN và các nguồn khác: 30.000trđ (Quyết toán kinh phí chuẩn bị đầu tư)
10	Xây dựng trạm Y tế xã Hồng Thái, huyện Na Hang	2015-2016	XD mới	4.533.17	4.533.17	4.533.17		3.550.00	Sở Y tế	Năm 2015 được giao dự toán: 3.500 trđ vốn EU tài trợ
11	Xây dựng Trạm Y tế xã Khau Tinh, huyện Na Hang	2017-2020		5.411.76	5.411.76	4.919.78		4.550.00	UBND huyện Na Hang	(Năm 2015 bố trí từ nguồn EU tài trợ: 4.500 trđ)
12	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	2015-2016		2.301.25	2.301.25	2.301.25	2.236.69	2.050.00	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	
13	Xây dựng trạm Y tế xã Thượng Nông, huyện Na Hang	2015-2016	XD mới	6.404.96	6.404.96	5.860.88		5.850.00	UBND huyện Na Hang	
14	Xây dựng Trụ sở làm việc Trung tâm y tế huyện Sơn Dương	2015-2016		7.871.31	7.871.31	7.196.19		7.000.00	UBND huyện Sơn Dương	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
15	Xây dựng Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật Tuyên Quang	2017-2020		1.013.47	1.013.47	1.013.47		1.013.47	Trường Trung học KT-KT Tuyên Quang	Quyết toán kinh phí chuẩn bị đầu tư
I.5	Quản lý Nhà nước + An ninh Quốc phòng:			194.353.19	193.802.88	187.189.99		176.167.79		
1	Trụ sở xã Chiêu Yên, huyện Yên Sơn	2008-2009		2.853.41	2.853.41	2.853.41		2.800.00	UBND huyện YS	Vốn hỗ trợ đầu tư trụ sở xã
2	Trụ sở UBND xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên	2014-2015		5.065.48	5.065.48	5.013.19		4.707.54	UBND huyện Hàm Yên	
3	Trụ sở xã Tân Trào - Sơn Dương	2013-2014		11.389.43	11.389.43	10.750.43		10.500.00	UBND huyện SD	
4	Trụ sở UBND xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương	2014-2015		6.257.61	6.257.61	5.834.84		5.690.32	UBND huyện Sơn Dương	
5	Sửa chữa, xây dựng bổ sung Nhà làm việc Sở VH TT&DL	2013-2015		13.410.00	13.410.00	12.771.40		11.472.00	Sở VH TT&DL	
6	Nhà làm việc Hội cựu chiến binh	2010-2011		3.837.94	3.826.66	3.916.24		3.900.00	Hội cựu CB	
7	Cải tạo, sửa chữa Nhà làm việc Tỉnh ủy	2013-2014		2.178.67	2.178.67	2.178.67		2.100.00	VP Tỉnh ủy	
8	Cải tạo, sửa chữa Hội trường Tỉnh ủy			14.811.85	14.811.85	11.900.54		11.866.90	VP Tỉnh ủy	
9	Hội trường và công trình HT kỹ thuật của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Yên Sơn	2009-2013		82.222.48	81.683.45	81.683.45		79.709.80	UBND huyện Yên Sơn	
10	Công trình phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Tuyên Quang; năm 2014 đầu tư xây dựng hệ thống đường, Nhà chỉ huy bắn diễn tập.	2014-2015		9.719.69	9.719.69	9.025.70		9.000.0	BCH quân sự tỉnh	
11	Hỗ trợ xây dựng kho xăng sẵn sàng chiến đấu của BCH Quân sự tỉnh	2016-2017		6.206.24	6.206.24	6.206.24		2.800.00	BCH quân sự tỉnh	
12	Trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hoá	2010-2011		4.592.58	4.592.58	4.576.51		4.100.00	UBND huyện CH	
13	Trụ sở UBND xã Năng Khả, huyện Na Hang	2015-2016		7.332.75	7.332.75	6.678.01		5.900.00	UBND huyện Na hang	
14	Trụ sở UBND xã Xuân Lập, huyện Lâm Bình	2016-2017		6.228.00	6.228.00	5.916.60		5.503.36	UBND huyện Lâm Bình	
15	Xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện tại xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa	2016-2020		6.206.00	6.206.00	6.206.00		5.050.00	UBND huyện Chiêm Hóa	
16	Trụ sở UBND xã Hùng Mỹ, huyện Chiêm Hóa	2016-2017		5.855.90	5.855.90	5.855.90		5.245.00	Sở Tài chính	Dự án xin vốn Bộ Tài chính (NSTW bổ sung qua dự toán Ngân sách tỉnh)
17	Cải tạo, nâng cấp nhà khách cơ quan BCH Quân sự tỉnh	2015-2016		6.185.16	6.185.16	5.822.87		5.822.87	BCH - Quân sự tỉnh	
I.6	HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP			313.224.00	212.414.01	183.890.20	54.312.39	180.766.46		
1	XD cơ sở hạ tầng cụm các khu Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Long Bình An			83.101.24	34.002.00	33.002.18	7.920.16	33.002.06	BQL các khu CN tỉnh Tuyên Quang	Đang quyết toán các hạng mục còn lại
2	Xây dựng (giai đoạn 1) hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Long Bình An, tỉnh Tuyên Quang.	2007-2013	170Ha	230.122.76	61.250.92	53.625.92	1.907.23	51.250.00	BQL các khu CN tỉnh Tuyên Quang	Đang quyết toán các hạng mục còn lại

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2017	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I.7	Giáo dục			76.248.77	76.248.77	70.344.19		65.869.13		
1	Xây dựng trường PTDTNT THCS huyện Hàm Yên	2011-2015		49.607.40	49.607.40	45.387.00		43.110.00	Sở Giáo dục và đào tạo	CTMT giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn
2	Dự án đầu tư xây dựng nhà lớp học trường mầm non xã Hồng Quang, huyện Lâm Bình	2016-2017		4.833.54	4.833.54	4.649.47		4.172.00	Sở Giáo dục và đào tạo	Vốn TPCP
3	Dự án đầu tư xây dựng nhà lớp học trường mầm non xã Phúc Yên, huyện Lâm Bình	2016-2017		1.900.74	1.900.74	1.900.74		1.900.00	Sở Giáo dục và đào tạo	Vốn TPCP
4	Trường THCS, xã xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương	2016		2.338.00	2.338.00	2.336.33		2.369.70	UBND huyện Sơn Dương	NS tỉnh Hỗ trợ đầu tư công trình thuộc xã xây dựng NTM
5	Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp tỉnh Tuyên Quang			9.382.62	9.382.62	9.103.01		8.167.43	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp tỉnh	
6	Xây dựng Trường THPT Xuân Vân huyện Yên Sơn	2008-2011		8.186.47	8.186.47	6.967.64		6.150.00	UBND huyện Yên Sơn	
I.8	CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN ODA			38.380.93	38.380.93	38.380.93	5.596.27	33.505.03		
1	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi xã Trung Trục, huyện Yên Sơn (JICA SPLVI)	2009-2012		38.380.93	38.380.93	38.380.93	5.596.27	33.505.03	UBND huyện Yên Sơn	Đang quyết toán các hạng mục còn lại

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG KẾ HOẠCH NĂM 2018
CÁC DỰ ÁN XIN VỐN CỦA TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2016	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	CÁC DỰ ÁN ĐÃ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN			1.918.561.78	1.602.915.40	1.286.833.05	108.116.62	708.389.80		
1	Sửa chữa, nâng cấp công trình Hồ chứa nước Tân Dân, xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		80.000.00	32.552.00	32.522.00	31.749.46	20.000.00	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Dự án xin vốn của TW (được phân bổ vốn khi có QĐ giao vốn của TW)
2	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Tuyên Quang	2014-2018		74.377.60	74.377.60	64.309.00		22.000.00	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	(Dự án xin vốn của Bộ tài chính)
3	Kè bảo vệ bờ sông Gâm hạ lưu nhà máy thủy điện Tuyên Quang, khu vực thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	2010-2014		297.701.34	297.701.34	270.637.58		141.130.00	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Văn bản số 132/BC-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh
4	Kè bờ sông Gâm đoạn qua thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá	2009-2014	L=4000m	172.259.52	172.259.52	156.599.56		19.600.00	UBND huyện Chiêm Hoá	Văn bản số 132/BC-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh
5	Kè sông Lô đoạn qua thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên	2011-2015		67.441.50	67.441.50	61.310.45		55.907.00	UBND huyện HY	Văn bản số 132/BC-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh
6	Kè bảo vệ chống sạt lở hai bờ sông Phó Đáy, khu vực DTLS ATK tại các xã Trung Yên, Minh Thanh, Tân Trào, huyện Sơn Dương	2011-2014		99.375.35	99.157.52	41.290.56	41.290.56	37.463.00	UBND huyện Sơn Dương	Văn bản số 132/BC-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh
7	Đường giao thông đất đỏ liên xã của huyện Yên Sơn	2012-2014		250.200.00	187.848.00	166.777.00		107.000.00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Dự án xin vốn của TW (được phân bổ vốn khi có QĐ giao vốn của TW)
8	Xây dựng đường Lãng Can - Xuân Lập, huyện Lâm Bình (Giai đoạn 2)	2017-2020		188.338.78	89.095.34			85.918.00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Vốn quỹ bảo trì đường bộ (năm 2017: 15.000 trđ và 25.000 trđ nguồn dự phòng NSTW năm 2016)
9	Đường từ đường Quang Trung đến Km14 đến QL2 (đường Tuyên Quang đi Hà Giang)	2011-2014	L=11Km	356.923.46	356.923.00	320.112.00		62.289.00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Dự án xin vốn HT đường cứu hộ, cứu nạn + Vốn vượt thu, kết dư NSTW (được phân bổ vốn và thực hiện khi có QĐ bổ sung của TW)
10	Xây dựng Trung tâm thanh thiếu nhi, huyện Sơn Dương	2012-2015		40.050.38	40.050.00	10.463.52	10.463.52	9.716.00	UBND huyện SD	Văn bản số 3723/BKHĐT-TH ngày 13/6/2011 (được phân bổ vốn và thực hiện khi có thông báo vốn của TW)
11	Kè bảo vệ chống sạt lở bờ suối xã Minh Hương, huyện Hàm Yên	2011-2013		59.310.88	59.310.88	52.889.24		52.526.80	UBND huyện Hàm Yên	Vốn PCLB và giảm nhẹ thiên tai, Vốn DPNS (được phân bổ vốn và thực hiện khi có thông báo vốn của TW)
12	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hồ Khôn, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	2013-2015		49.730.66	12.557.55	12.557.55	12.557.55	10.000.00	UBND huyện Hàm Yên	Vốn sửa chữa đảm bảo an toàn hồ chứa (được phân bổ khi có thông báo vốn của TW)
13	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hồ Khuổi Giáng, xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn	2013-2015		49.963.76	17.039.50	13.559.28		13.000.00	UBND huyện Yên Sơn	Vốn sửa chữa đảm bảo an toàn hồ chứa (được phân bổ khi có thông báo vốn của TW)

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXDCB# +ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2016	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
14	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Đèo Hoa, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn	2013-2015		48.700.00	12.413.09	12.300.00	12.055.54	12.000.00	Sở NN&PTNT	Vốn sửa chữa đảm bảo an toàn hồ chứa (được phân bổ khi có thông báo vốn của TW)
15	Đường giao thông nội bộ Khu công nghiệp Long Bình An, tuyến RD02, đoạn km0+00 - km0+450 (thuộc dự án đầu tư xây dựng (giai đoạn 1) hệ thống hạ tầng kỹ thuật KCN Long Bình An, tỉnh Tuyên Quang);			14.348.57	14.348.57	13.665.31		10.000.00	BQL các khu CN tỉnh Tuyên Quang (Cty PHTT-KCN)	Vốn hỗ trợ đầu tư Hạ tầng KCN
16	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật Tuyên Quang;			69.840.00	69.840.00	57.840.00		49.840.00	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật Tuyên Quang	Vốn CTMT giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và an toàn lao động (được phân bổ vốn khi có thông báo của Trung ương)
B	CÁC DỰ ÁN CHƯA TRIỂN KHAI THỰC HIỆN			5.210.604.00				1.070.00		
1	Dự án cải tạo, nâng cấp đường ĐT186, đoạn từ ngã ba Sơn Nam đến xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương			845.965.00					Sở GT-VT	Xin vốn TPCP, NSNN,...
2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông vùng CT229 qua các xã Yên Lập, Bình Phú, Kiên Đài, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.			120.400.00					UBND huyện Chiêm Hóa	CTMT Quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm (đầu tư hạ tầng vùng - CT229); Đề nghị Trung ương bổ sung vốn giai đoạn 2016-2020
3	Cải tạo, nâng cấp đường Thỏ Bình – Thượng Lâm, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang (đoạn nối đến Trung tâm huyện Lâm Bình)			85.000.00					UBND huyện Lâm Bình	CTMT phát triển kinh tế xã hội các vùng
4	Dự án xây dựng tuyến đường từ đường Quang Trung, thành phố Tuyên Quang đến đường tránh ngập xã Lang Quán - Thắng Quân huyện Yên Sơn			358.387.00					Sở GT-VT	Xin vốn TPCP, NSNN,...
5	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Linh Phú - Kim Bình - Bình Nhân - Nhân Lý - Hòa An - Tân Thịnh - Phúc Thịnh - Trung Hà, huyện Chiêm Hóa			1.497.000.00					Sở GT-VT	CTMT Quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm (đầu tư hạ tầng vùng - CT229); Xin vốn TW
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi hồ Cao Ngỗi, xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương			265.000.00					Sở NN&PTNT	CTMT hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh
7	Xử lý cấp bách sạt lở, nứt dọc gần chân đê từ thôn Hưng Thịnh đến thôn Thái Thịnh thuộc xã Sầm Dương, huyện Sơn Dương			235.186.00					Sở NN&PTNT	CTMT hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh
8	Nâng cấp hệ thống đê, kè Vĩnh Lợi - Lâm Xuyên			350.000.00					UBND huyện Sơn Dương	CTMT ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh (được phân bổ vốn khi có thông báo của TW)
9	Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi hồ Đát Đền, xã Hợp Hòa, huyện Sơn Dương			170.000.00					Sở NN&PTNT	CTMT hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh
10	Hồ công viên Tân Hà, phường Tân Hà, TP Tuyên Quang			114.768.00					UBND - TPTQ	Dự án xin vốn TW
11	Nâng cấp công trình thủy lợi hồ Kỳ Lãm, xã Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang			25.931.00					UBND-TPTQ	Xin vốn NSTW
12	Dự án xử lý điểm tồn lưu hàng hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 13 Làng ái, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn			55.000.00					Sở Tài nguyên và Môi trường	CTMT hỗ trợ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích
13	Bệnh viện đa khoa Yên Sơn, huyện Yên Sơn			235.251.00				1.020.00	Sở Y tế	Vốn CTMT đầu tư phát triển Y tế địa phương
14	Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang			437.716.00					BV Đa khoa Tuyên Quang	Vốn CTMT đầu tư phát triển Y tế địa phương

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2016	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
15	Xây dựng Trung tâm dạy nghề huyện Lâm Bình			45.000.00					UBND huyện Lâm Bình	CTMT Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và an toàn lao động (được phân bổ vốn khi có thông báo của TW)
16	Xây dựng trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS huyện Na Hang			45.000.00					Sở Giáo dục và đào tạo	Vốn CTMT hỗ trợ giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn
17	Khu liên hợp thể thao tỉnh (hạng mục sân vận động và đường nội bộ)			280.000.00					Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch	CTMT phát triển văn hoá (được phân bổ vốn khi có thông báo của TW)
18	Phục hồi, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến, di tích lịch sử ATK, cách mạng Lào trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang			45.000.00				50.00	Sở VH TT & DL	CTMT phát triển văn hoá (được phân bổ vốn khi có thông báo của TW)
19	Kè chống sạt lở bờ suối Hè khu dân cư xã Yên Phú, huyện Hàm Yên;									Văn bản số 132/BC-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh
20	Nâng cấp, cải tạo kè bảo vệ chống sạt lở sông Phó Đáy, xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn;									Văn bản số 132/BC-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh
21	Kè bờ sông Phó Đáy, xã Bình Yên và thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương;									Văn bản số 132/BC-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh
22	Kè bảo vệ bờ sông Lô, xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương;									Văn bản số 132/BC-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh
23	Kè chống sạt lở bờ sông Lô đoạn Chợ Thụt, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên;									Văn bản số 132/BC-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh
24	Kè chống sạt lở bờ sông Lô, xã Tân Thành, huyện Hàm Yên (đoạn trước cầu Tân Yên bên phả cũ);									Văn bản số 132/BC-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh
25	Kè chống sạt lở bờ sông Lô khu vực bến Đền, xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên;									Văn bản số 132/BC-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh
26	Kè suối xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa;									Văn bản số 132/BC-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh
27	Kè suối Cầu Cỏ, xã Yên Nguyên, Huyện Chiêm Hóa;									Văn bản số 132/BC-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh
28	Kè suối Cỏ Linh, xã Kim Bình - Chiêm Hoá;									Văn bản số 132/BC-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh
29	Kè sông Gâm, đoạn qua Phố Chính xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa;									Văn bản số 132/BC-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh
30	Kè chống sạt lở xã Thanh Tương và xã Côn Lôn, huyện Na Hang									Văn bản số 132/BC-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh